

NƯỚC MẮT SÀI GÒN



B.R., September 8, 2017

Sài Gòn ơi! Tôi xin hứa rằng tôi sẽ về.
Người tình ơi! Tôi xin giữ trọn mãi lời thề...



TUYỂN TRUYỆN NHIỀU TÁC GIẢ
NHÂN VĂN XUẤT BẢN <http://tieulun.hopto.org>

Sài Gòn ơi! Tôi xin hứa rằng tôi sẽ về.
Người tình ơi! Tôi xin giữ trọn mãi lời thề...

MỤC LỤC

- *Tình Huynh Đệ* Hà Thúc Sinh 11-23
- *Nhịp Tim Thành Phố* Phan Tấn Hải 25-37
- *Sài Gòn Nước Mắt và Năng Âm* Nguyễn Nam Chi 39-58
- *Bên Trời* Trần Hoài Thư 59-65
- *Sài Gòn ngày-tôi trở lại* Trương Năng Tiến 67-87
- *Sài Gòn Bắt Đầu Những Con Mưa* Bùi Vĩnh Phúc 89-101
- *Phòng Tắm* Nguyễn Ngọc Ngạn 103-121
- *Tàn Héo Dần Theo Năm Tháng* Lê Hoàng Phú 123-135
- *Bóng Đêm Cuối Cùng* Phan Thị Trọng Tuyền 137-172
- *Tiếng Hát Bên Sông* Lê Đại Lãng 172-184

THAY LỜI TỰA

B.R., September 8, 2017

Nếu Sài Gòn chỉ là một nỗi nhớ, có lẽ chúng ta sẽ cảm thấy ấm áp và bình an hơn, những khi tâm hồn hướng về thành phố cũ. Ở đó, mỗi người trong chúng ta đều nuôi giữ một số kỷ niệm — những mái trường xưa, những con đường tình ái, những sớm mai nắng vàng rực rỡ, những buổi chiều mưa dào dạt, những đêm khuya lộng lẫy ánh đèn ... — Nếu Sài Gòn cũng như bất cứ một thành phố nào khác đã ghi dấu bước chân ta, đã chia xẻ một mảnh đời của ta, để rồi sẽ quán quít mãi tâm hồn chúng ta bằng những kỷ niệm buồn vui ấy ; có lẽ nỗi nhớ thương Sài Gòn cũng đôi lúc đem lại cho người đi vài giây phút thơ mộng.

Nhưng tiếc thay, hình ảnh Sài Gòn mà những người ra đi mang theo trong lòng là một hình ảnh không hứa hẹn bất cứ một hoài niệm đẹp đẽ, bình an và lãng mạn nào hết. Sài Gòn sau ngày giặc đến là một Sài Gòn khủng khiếp, một Sài Gòn bị bôi xóa và đầy đọa đến độ chính những người dân Sài Gòn cũng không còn nhận ra thành phố thân yêu của mình nữa. Những đường xá, những nhà cửa, những con sông, những nhịp cầu ..., tất cả đã bị chụp lên và gói kìn bằng một màu đỏ sẫm máu ; chính cái màu đỏ rùng rợn ấy đã làm biến dạng Sài Gòn của chúng ta, đã hủy hoại đời sống của Sài Gòn, đã khiến cho Sài Gòn chỉ còn là một nhà tù lạnh lẽo, trong đó những giòng nước mắt không ngừng chảy suốt mười một năm qua.

Tuyển tập “Nước Mắt Sài Gòn” là một cố gắng nhỏ bé của cơ sở xuất bản Nhân Văn, nhằm gom góp những cảm nghĩ, những hình ảnh được ghi chép và phác họa lại dưới hình thức truyện ngắn và tùy bút, viết cho một Sài Gòn buồn thảm, tối tăm, một Sài Gòn tức tưởi, đau đớn trong gông cùm Cộng sản. Đó là Sài Gòn của bây giờ, Sài Gòn có thực, chứ không phải Sài Gòn trong nỗi nhớ thương triêu tượng và lãng mạn. Sài Gòn có thực, cũng như những tờ giấy viết thư ó vàng bọc trong những chiếc phong bì dán tem chi chít, mang theo tin tức về những người thân yêu sống mòn mỏi từng ngày, mang theo hình ảnh những đứa em đứa cháu thiếu ăn thiếu mặc, mang theo lời chào từ giã của những bạn bè lần lượt theo nhau đi vào nhà tù, mang theo tiếng khóc nghẹn ngào của những gia đình tan nát ...

Chính quyền Việt cộng đã đổi tên Sài Gòn yêu dấu của chúng ta bằng cái tên của một kẻ bán nước. Nhưng trên bờ môi và trong lòng người dân Việt Nam suốt từ mười một năm qua, Sài Gòn vẫn chỉ có một tên không thay đổi. Điều ấy nhắc cho chúng ta rằng Sài Gòn vẫn sống, — chẳng phải chỉ sống trong nỗi nhớ thương của những người ra đi, mà là sống bằng một ngọn lửa căm thù, sống bằng một niềm tin âm thầm, bền bỉ. Đó chính là Sài Gòn mà chúng ta yêu thương, Sài Gòn của sức sống bất khuất, của lòng tin yêu bất tận. Sài Gòn sống để thấy chúng ta chiến đấu cho một ngày về, không phải sống để chờ chúng ta nhắc đến như một thành phố mất tên, như một thành phố đã chết. Chúng ta khóc bằng những giọt nước mắt của Sài Gòn; nhưng chúng ta không làm công việc thấp hươg cho Sài Gòn.

Và chúng ta cũng không muốn Sài Gòn thấp hươg cho chúng ta, phải không ?

NHÂN VĂN

TÌNH HUYNH ĐỆ

• Hà Thúc Sinh

R iêng về phía Tây Bắc Sài Gòn đến chiều ngày 29 tình hình coi mòì đã trầm trọng lắm. Đứng ở phía ông Tạ người ta thấy rõ lửa khói ngùn ngụt bốc lên từ phía trại Hoàng Hoa Thám và ngã tư Bảy Hiền. Thỉnh thoảng đạn pháo của địch rơi nổ bừa bãi trong một khu gia cư nào đó. Ngoài đường phố, mặc đám nhân dân tự vệ kéo ngựa sắt truy cản, mặc những người lính dù từng toán năm ba người bắn thị uy để chiếm một lợi điểm bên đường đặt súng máy, từ các ngõ hẻm, người ta vẫn bỗng bẻ nhau chạy tóa ra đường cái, nhập với đoàn người tị nạn từ phía Bảy Hiền dồn lên để chạy càn về phía Hòa Hưng ... Trong số họ có những người dùng Honda phóng về hướng bến Sài Gòn với hy vọng mong manh nhảy lên được một con tàu vào phút cuối ; có những người lo sự ngăn ngor ôm một bầy con đại bên đường không biết phải đi tới đâu ; cũng có những

người lại chạy ngược về phía khối lửa như để tìm một người thân thất lạc. Dù thế nào thì cũng chẳng mấy người chạy với hai tay không. Họ cố gắng đem theo tất cả những gì có thể đem được. Cũng có những cụ già, có lẽ trong cơn hốt hoảng quá độ, đã chạy giặc với chỉ một cái chổi phất trần kẹp nơi nách, hoặc trên tay chỉ có mỗi một cái ti ngậm của đứa cháu nội hay cháu ngoại nào đó. Với đám thanh niên thiếu nữ cũng không phải là không có những cái khó coi lúc họ chạy loạn. Một cô gái ôm theo cả đồng quần áo gói chặt trong một tấm vải bọc nệm trong khi trên người cô chỉ có một cái áo lót mình mỏng te. Hoặc một anh thanh niên trong rất “xì ke” thế mà đã có thể vừa chạy vừa cồng trên lưng một cái tủ lạnh loại nhỏ ...

Về phương diện di chuyển thôi thì đủ thứ. Phải là lúc chạy loạn người ta mới thấy được sự đa dụng của một chiếc xe đạp. Nó có thể đeo được ba đứa trẻ kèm với một núi quần áo. Một chiếc cút kít cũng được lôi ra sử dụng để chở bên trên hàng đồng sách quý. Rồi thì xe ngựa, và ngay một con bò sữa cũng bị con người lôi vào cuộc để sử dụng như một phương tiện chạy nạn chiến tranh. Nói tóm, tất cả mọi người và mọi vật, chiều ngày 29, loạn lạc đã lôi cả ra đường phố để chạy chết trước cái bi thảm của một trận chiến mấp mé bờ ranh thắng bại !

Nhìn chung, cho dầu đã sống trên đất nước có cuộc chiến kéo dài đến mấy mươi năm, người thị dân Sài Gòn hầu như vẫn chưa ai tập được cái đức tính lý như những người sống ở thôn quê — những người phải chạm mặt với chiến tranh hàng ngày đến độ họ có thể bình thản ngồi ăn cơm với nhau trên miệng hầm trú ẩn, trong lúc súng đạn nổ qua nổ lại âm âm giữa hai phe quốc cộng đang giành nhau từng tấc đất phía sau vườn ; người dân Sài Gòn vẫn sợ hãi, và sự sợ hãi lần này coi mọi còn ghê gớm hơn nỗi sợ Mậu Thân. Điều này dễ hiểu ! Những người đang bồng bế nhau chạy rần rần ngoài đường phố kia là những người đang

được hưởng một “nỗi sợ hãi có kinh nghiệm” — kinh nghiệm về một thứ giặc dám làm mọi việc để thủ thắng cho dù có phải chôn sống cả thành phố này.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hỗn mang ấy Nhân vẫn gần như thấy đứng đưng, và thái độ của anh ít lắm cũng làm cho vợ anh biết rằng anh chẳng sợ hãi một điều gì. Đã đôi lần Nhân cũng tính chiều theo lời thúc hối của vợ, bẻ thẳng Cún con Hăng ra đường để hòa mình vào đám người chạy loạn ; nhưng nghĩ sao anh lại đổi ý và để mặc cho vợ con ngồi dưới bếp run sợ. Anh leo lên tầng trên đứng nhìn xuống đường phố Phạm Hồng Thái. Một đầu đạn pháo chọt rơi trên đường đầu phía trước cư xá Tự Do, lửa khói và bụi bay mù trời. Tiếng nổ lớn đến độ làm Nhân cũng thấy nhức óc. Khi khói tan đi, bụi lắng xuống và tai đỡ lùng bùng, Nhân nhìn kỹ về phía tiếng nổ. Nơi ấy, đúng là phía trước cổng chính của cư xá Tự Do, một chiếc xe lam trúng đạn nổ banh trên đường. Hình như có nhiều người chết lắm. Những tiếng la khóc, tiếng chân chạy, tiếng gọi nhau ... Những tiếng hốt hoảng báo động, chỉ chỗ dưới đường đã giúp Nhân nhận ngay ra một cái đầu người dính toong teng trên giấy điện phía trước một tiệm may gần cổng cư xá. Cái đầu ấy nhất định phải là đầu một người đàn bà, vì tóc của cái đầu rất dài, đã quấn đến mấy vòng trên hàng giấy điện. Bên dưới cái đầu còn lòng thông một ít ruột gan. Nhân lại nhìn xuống phía chiếc xe lam lâm nạn. Rất có thể cái đầu kia là đầu của một phụ nữ ngồi trong chiếc xe lam ấy ...

Nhân quay vào bên trong, đến tủ quần áo lục tìm vài vật cần thiết. Cái cảnh vừa rồi quả có ghê rợn thật, nhưng với Nhân nó hình như chỉ là một chuyện thường. Tám năm về trước Nhân đã được hưởng nhiều cảnh ghê rợn hơn thế trăm lần, và sau đó anh biến thành một kẻ “vô sản” hơn bất cứ ai trên đời.

Trong những mờ chôn tập thể ở Huế có một người đàn

ông tên Trịnh Thế Tâm, giáo sư trung học ; một người đàn bà tên Lâm thị Ẽn, cũng giáo sư trung học ; hai người này có ba người con trai đã thành niên. Đứa thứ nhất sau một thời gian học hành lem nhem ở đại học Huế, đàn đúm với đám sinh viên thân cộng rồi bỏ nhà ra đi ; đứa thứ hai động viên Thủ Đức và chết trận sau khi ra trường một thời gian ngắn ; đứa thứ ba ở với cha mẹ và đang học năm cuối bậc trung học thì biến cố Mậu Thân xảy ra. Nhân chính là đứa con út của gia đình họ Trịnh này. Thời gian trôi qua, những dằn vặt đau đớn, kể cả nỗi đau đớn không thể nhận ra được bộ xương nào là xương của cha mẹ mình trong những đồng xương khai quật khỏi các mồ chôn tập thể, cũng từ từ lắng xuống. Nhưng người chết đã thế, còn người sống ? Có một nỗi đau đớn, tuy vậy, vẫn còn sót lại và sau cùng biến một thanh niên hoạt bát vui tính trở thành một người già trước tuổi. Nhân nhiều đêm bật khóc và oán than định mệnh sao ngặt nghèo đến thế với riêng gia đình anh. Anh đã nghe rất nhiều người thân sơ xác quyết rằng trong cảnh hỗn mang ở Huế hồi Mậu Thân, họ đã nhìn thấy Sách, người anh lớn của Nhân, cầm đầu một toán Vệ cộng xuất hiện trong thành nội Huế. Tin tức về người anh lớn, và cũng là máu mủ duy nhất với Nhân còn sót lại trên cuộc đời này, chỉ có từng đó. Rồi thì, qua thời gian, như một lượng nước đục được từ từ lọc trong, Nhân nhìn sâu vào hồn mình và nhận ra trong ấy chỉ còn tro lại một mảnh tình cốt nhục. Anh vẫn tha thiết thương yêu và hằng cầu nguyện cho anh Sách của mình được sống, được khỏe cho dù có lúc Nhân khốn khổ cực cùng khi nghĩ rằng chính anh Sách là một trong những người tạo ra cái chết thê thảm của cha mẹ và người anh thứ của mình. Thế nhưng qua cơn buồn đau, Nhân vẫn không thể chạy trốn được lòng thương yêu dành cho người anh lớn trong nhà. Kỷ niệm ấu thời là cái nền của một đời người. Anh Sách là cái bóng râm lớn che mát cái nền ấy của Nhân trong bao năm trời ...

Đầu năm 70 Nhân tình nguyện gia nhập quân đội. Đời

chiến binh rày đây mai đó, hết Quảng Trị xuống Đà Nẵng, hết Bình Long lên Ban Mê Thuột ... Những trận truy kích địch đã bao lần Nhân chôn tay súng chỉ vì thấp thoáng phía lũ cộng chạy như bầy vịt trong khói lửa bỗng xuất hiện một bóng dáng như anh Sách.

Nỗi đau khổ này ngay những người bạn thân nhất trong đời lính của Nhân cũng không bao giờ được biết đến để chia xẻ. Nhân cứ mặc cho nó gặm nhấm riêng mình. Mỗi thù nhà không thể không trả, nhưng cứ ngại ra chút nào, Nhân lại khốn khổ vận dụng mọi cách để biện hộ thắng cho người anh lớn lắm lạch của gia đình.

Mùa hè đỏ lửa khiến Nhân phải rời quân đội với một vết thương nơi chân. Anh trở về Huế, về căn nhà ngói đỏ cũ kỹ dưới miệt Cầu Lòn, có vườn cây ăn trái, có giò Hương trong vát sau nhà. Mái nhà xưa với bao kỷ niệm ấu thời càng thêm nung nấu nỗi buồn. Những chiều nhá nhem, đốt cây nhang cắm trên bàn thờ gia tiên, đứng nhìn ảnh hình ông bà cha mẹ qua lớp nhiều điều đã xò chỉ có từ thời ông cố nội, Nhân không khỏi gai gai lúc phát hiện ra cái nõ trên bàn thờ trông hệt cái chóp xương sọ nào đó mà anh có lần nhìn thấy dưới một nắm mồ tập thể. Khói nhang một nỗi vươn lên trông thê thiết như những giò lệ chảy ngược ... Mỗi khi như thế Nhân chẳng còn thiết gì đến bữa cơm chiều. Mặc người o già năn nỉ, Nhân bước ra ngoài lang thang đi dạo theo bờ sông, nhìn con nước, nhìn những cồn cát nổi rõ giữa dòng, nhìn đường mương có những bầy lòng tong nghển lối, những quả ổi chỉ to bằng ngón cái mà ruột đỏ au ngọt lừ, những con chim sâu xanh mượt chuyền trong bụi xả, những tổ chào mào nằm khời khời trên một cành mít, nghe những tiếng động thật ẩn vi như tự lòng đất dịu dàng vươn lên để đón thêm một buổi chiều. Chao ôi, kỷ niệm còn nguyên vẹn nơi đây, một kỷ niệm đẹp như thế lẽ ra một người bình thường phải giữ gìn và vun xới suốt đời mà truyền mãi đến ngàn sau. Thế mà ! ... Bỗng dưng

lại nghi ngờ về những lý đoán mà anh từng nghĩ ra để biện hộ cho người anh lớn. Nhưng ngay sau đó Nhân lại hối hận : Phong cảnh này hẳn chẳng thể đậm đà với mình đến thế, nếu như nó không có sự tham dự của anh Sách. Suốt thời ấu thơ của Nhân, chính anh Sách là người duy nhất đã vận dụng tất cả sự vật, tiếng chim, giòng nước nơi đây để cấu thành tâm hồn Nhân !

Ngồi lại bên bờ sông, nhìn một góc trời đầy ráng đỏ, Nhân chẳng chạy tránh được nỗi đắng cay. Có ai trong cuộc chiến tương tàn này, Nhân tự hỏi, phải gánh đủ nỗi đớn đau ở cả hai nghĩa bóng và đen của chữ tương tàn như mình không ? Có, họ sẽ xử trí ra sao ? Sắp xếp ra sao để kiếp người được sống yên, sống ổn ?

Một thời gian ngắn sau đó Nhân vào Sài Gòn. Duyên nợ ràng buộc anh một thương phế binh hai mươi bốn tuổi kết hôn với một cô thợ may xinh đẹp và hiền lành hơn Nhân đến bốn tuổi. Cuộc sống giữa một Sài Gòn xô bồ vội vã, chẳng bao lâu đã kéo Nhân thoát khỏi cái bóng ma anh Sách, và một phần nào đối với cả những năm mờ tập thể ... Đòi lên men say chưa được mấy lúc thì chiến sự bùng nổ trở lại. Chỉ nội một tháng qua, miền Trung rồi miền Nam như một vùng đất lở. Bóng hình anh Sách lại trở về.

Nhân đứng trên lầu nhìn xuống đường phố. Cái linh tính lạ thường cho Nhân thấy giòng đời dưới kia đang hấp hối. Tiếng vợ anh bỗng gọi lớn nơi cầu thang. Kế một tiếng nổ vang lên thật gần, gần như thể một đầu đạn pháo vừa rơi nhà bên cạnh. Tường vách rung rinh. Nhân bàng hoàng nhớ đến hai đứa con thơ của mình chắc đang run sợ lắm trong lòng mẹ chúng ...

B.R., September 8, 2017



Không ai có thể lường trước được phản ứng của chính tâm hồn mình đã diễn ra như thế sau khi nghe thấy Dương Văn Minh đọc lệnh buông súng trên làn sóng điện.

Có người thờ dài nói chữ thôi đành. Có người ngần ngơ như vừa tự tay đánh vỡ một cổ vật vô giá mà họ biết sẽ chẳng bao giờ còn tìm lại được. Có người hực lên khóc như trẻ con. Có người tính toán ngay chuyện uốn lưng sao cho phù hợp với độ cong của xã hội mới, hoặc ép mình lại sao cho đủ lọt qua cái khung cửa hẹp đời vừa dựng lên. Có người quyết định nhanh chóng hơn bằng cách gõ ngay một phát đạn vào đầu. Lối giải quyết này đã được nhiều sỹ quan và binh sỹ Dù thực hiện dọc theo con đường Phạm Hồng Thái, con đường tuyệt lộ của những anh hùng không tên tuổi. Nhưng, có những người khác, như Nhân chẳng hạn, lại rơi vào một hoàn cảnh khốn khổ hơn : Không chấp nhận kẻ thù nhưng biết mình có thể có điều kiện sống được với kẻ thù ; mặt khác, cái mặc cảm thua trận nổi lên trong lòng của một người từng khoác quân phục, không mạnh lắm nhưng cũng đủ cấu thành một ý nghĩ tự sát. Khởi sự, cái ý nghĩ tự sát này nó nhẹ lắm, chỉ thoáng qua như một cảm giác lãng mạn ; nhưng rồi ngày một, ngày hai, sang tới ngày thứ ba nó không còn nhẹ nữa. Ý nghĩ tự sát nảy nở như một thứ bột nổi trong đầu, nhất là khi người chiến binh, hay từng là một chiến binh, thấy kẻ thù diễu qua diễu lại trước mặt với đôi mắt ngu dần nhưng với nụ cười khinh thị. Cái nhục chiến bại bỗng như giọt nước lớn chia đều cho mỗi người một giọt nhỏ. Và giọt nhỏ này giọt nào cũng bằng, cũng tròn như nhau.

Nhân bỏ thờ nằm nhà hút thuốc lá vậ và lắng nghe lòng ngổn ngang bao nhiêu ý nghĩ, trong ấy có cả ý nghĩ tự sát. Vợ anh, như những người sớm sửa nhất biết khuôn dân đồ đặc đi bán tháo bán đổ phía chợ trời Tân Sa Châu. Nhân nằm nhà trông con và có lúc anh thấy mình khốn khổ cực cùng với nhiều vấn đề thật mới, thật gay go chột

nảy sinh một cách không ngờ. Phải nói thật, mãi đến giờ này Nhân mới nhận ra trong đáy thâm tâm anh không thể chấp nhận chủ nghĩa cộng sản. Tuổi anh dĩ nhiên chưa có một kinh nghiệm nào về đời sống dưới chế độ này, nhưng với những hành động của họ từng làm trong suốt cuộc chiến xâm lược miền Nam, gài mìn, đắp mô, pháo kích trường học, giết người tập thể, chôn người hàng loạt và là tác giả của mọi sự vi phạm các luật lệ, các quy ước họ từng trang trọng ký với đối phương ; những cái ấy lâu nay tích tụ và ngủ yên trong Nhân chột cựa quây thức giấc và củng cố cho Nhân một lập trường thật muộn màng. Anh nhìn hai đứa con còn bé tí ngủ chung trên một cái võng mà xót xa. Tương lai chúng nó rồi sẽ ra sao ? Chúng sẽ theo anh hay sẽ theo anh Sách ? Theo anh chúng sẽ khổ một đời vì như thế chúng sẽ là những giòng máu chảy ngoài thân thể, dù đó là một thân thể cộng sản nô lệ nhục nhằn. Còn theo đường anh Sách ? Chao ôi ! Chúng sẽ là gì khi chúng dám chôn sống cả cha mẹ ?

Nhân chậm rãi leo lên lầu và lại đứng nhìn xuống đường phố. Bây giờ đây, ngày mùng 4 tháng 5 đường phố Phạm Hồng Thái đã thực sự mang vẻ mặt của một đường phố thua trận, bị giặc hoàn toàn chiếm đóng và kiểm soát. Nhân có cảm giác như cứ mỗi một đêm qua đi, đường phố càng bị nhuộm đỏ nhiều hơn một chút. Những khẩu hiệu, những áp phích, đồ chơi hầu như được giăng mắc khắp nơi không biết tự bao giờ. Đây đó dưới đường những xác chết vẫn chưa được dọn dẹp sạch vì người ta còn lo ăn mừng chiến thắng. Từng đoàn thanh niên học sinh bị buộc xung phong, với tí băng đỏ quấn trên cánh tay, xẻng quốc lãng xăng nhưng hầu như chỉ để biểu diễn mà không phải là để dọn sạch thành phố cho kẻ chiến thắng sở hữu. Còn người dân thì đi lại với nhiều vẻ e ngại rụt rè. Họ khuôn vác của nhà đi bán nhưng với dáng điệu lén lút sợ hãi tuồng như phùng trộm đạo. Trên mặt đường còn ngổn ngang gạch ngói đổ vỡ, ngổn ngang quân phục, súng đạn của những

quân nhân thua trận trút bỏ khi tháo chạy. Nhân nhìn xuống mà lòng không khỏi không buồn ngủi. Dẫu rằng trong cương vị một thương phế binh, Nhân không phải tháo chạy, không phải chịu cái nhục trút bỏ vũ khí, trút bỏ quân phục giữa đường như nhiều người khác, nhưng cái đau cái nhục ấy Nhân vẫn thấy mình có trọn vẹn như những người trong cuộc. Bây giờ đây, khi mọi chuyện đã qua, trong lúc cả miền Nam đang lắng chờ giờ hành hình tập thể sẽ xảy đến không biết lúc nào thì Nhân lại mới thấy được mình yêu đời lính đến đâu !

Phía bên kia đường, từ trong cư xá Tự Do một đoàn con nít nổi hàng đi ra. Dẫn đầu lũ trẻ không ai khác hơn gã chạy xe ba bánh đổ rác của khu phố này. Nhưng bây giờ gã không còn là người đổ rác nữa. Gã đang là một cán bộ cộng sản thứ thật với quân phục và quân hàm thượng úy sáng ngời trên cổ áo. Lũ nhỏ nổi đuôi đi theo gã miệng hát inh ỏi những bài ca mới.

*... Giải phóng miền Nam chúng ta thề quyết
tiến bước Diệt đế quốc Mỹ phá tan bè lũ bán
nước ...*

Hoặc,

*... Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn các em nhi
đồng ...*

Đứng trên lầu nhìn xuống, Nhân vừa buồn vừa hoảng sợ. Vì đâu mà lũ nhỏ chúng thuộc những bài hát quái quỷ ấy nhanh đến thế ? Thốt nhiên Nhân chưa sót nghĩ. Ra vậy ! Thua cũng phải rồi ! Xưa kia, với đầy đủ chính nghĩa nhưng đã có chính quyền quốc gia nào nghĩ, làm và thành công được trong việc đẩy cho lũ nhỏ tuổi măng non thế kia hát thuộc lòng một cách hân hoan bài quốc ca không ? Nhân chợt nghĩ đến con mình. May quá, chúng còn quá nhỏ. Thế nhưng ý nghĩ kế tiếp lại làm Nhân ghê sợ, rằng

một ngày kia chúng sẽ lớn, sẽ không nghe cha nghe mẹ mà nghe tên đồ rác kia, tụ tập, lêu lổng, hát hò những lời sất máu để sửa soạn đi vào lòng vực của chủ nghĩa tam vô !

Nhân bỗng thấy nhức đầu kinh khủng. Và khi anh rời ánh mắt khỏi cái đầu lâu của người phụ nữ không may còn treo dính toong teng trên dây điện trước một tiệm may gần công cư xá, giờ đã quá quẹo và đen xăm lại do bởi năm phơi nắng mấy ngày qua, thì con nhức đầu đã dữ dội đến độ làm anh chóng mặt. Hàng cây điệp bên đường bỗng như mù mịt lá roi. Trong giây phút ấy Nhân lại thấy bóng anh Sách lơ mờ xuất hiện phía dưới đường, ngay trước cửa nhà anh ...



Hoa không thể ngờ được chồng chị thay đổi nhanh như thế. Cho dẫu trước ngày “giải phóng”, anh không phải là một người quá ơ hờ trước tình hình biến động của đất nước, nhưng chắc chắn anh không phải là một thanh niên như ngày hôm nay. Hoa không thể hiểu được tâm trạng của chồng những ngày sau này. Khởi sự, anh hay khóc nghẹn vào ban đêm. Kể đó anh lo lắng chăm sóc bàn thờ gia tiên đến độ lúc nào nhà cũng hương khói ngút như sắp có lên đồng. Trong bữa cơm anh ít ăn mà lo đút cho bé Hằng nhiều hơn. Tuy thế anh lại hay nóng giận. Có lúc thằng Cún Bình đòi sữa khóc chưa kịp dỗ, anh ùng ùng nổi giận với Hoa và có những lời lẽ thật khác thường ...

Tuy nhiên, trạng thái này hầu như không thấy xảy ra lúc có sự hiện diện của người anh chồng.

Anh Sách, người anh chồng của Hoa đã xuất hiện mấy ngày nay trong gia đình. Anh xuất hiện tình cờ và tài như một bóng ma. Vì không tiện hỏi nên hoa vẫn hằng thắc mắc không rõ tại sao anh lại có thể tìm ra nhà người em

một cách tài tình đến thế. Anh xuất hiện dĩ nhiên với quân phục cộng sản, nhưng vì không mang quân hàm nên vợ chồng Hoa không biết anh làm tới chức gì. Tuy nhiên, qua kiểu cách và lối ăn nói, Hoa có thể nhận biết anh đang là một cán bộ làm việc cho một cơ quan văn hóa cộng sản nào đó ở nội thành Sài Gòn. Trong những câu chuyện anh Sách nói với chồng Hoa, Hoa thường nghe anh nhắc nhở đến tên tuổi một vài nhân vật văn nghệ sỹ quen thuộc của Sài Gòn giờ đang làm việc dưới quyền anh ...

Trong cương vị em dâu phải ăn ít, nói ít và nghe ít, lại thêm thái độ lăm lỳ ít nói của chồng, Hoa không biết được nhiều những gì đã xảy ra giữa hai anh em nhà họ Trịnh ; nhưng ngoài lần đầu tiên, còn sau này mỗi khi anh Sách xuất hiện, Hoa có thể đọc ngược hẳn lại những gì Nhân từng nói với Hoa về người anh “yêu quý lạc đường nhưng luôn luôn có thể tha thứ được !”.

Tình hình giữa hai anh em lại coi mòi gay go hơn sau bữa cơm chiều qua !

Ngồi dưới bếp đút cơm cho con, Hoa chỉ lồm bồm nghe thấy hai anh em tranh luận.

— ... Huế !

— Không việc gì phải Huế. Đâu cũng là quê hương cả ...

— ... (?)

— Tao không muốn em tao trở thành kẻ phản động. Mày đã mặc áo lính Ngụy một thời. Đừng lún sâu thêm vào tội ác với nhân dân nữa ... mày không có quyền ... Để là công tác của cá nhân ... nuôi dưỡng và xây dựng thành con người xã hội chủ nghĩa là chức năng của tập thể ... Không cá nhân nào có quyền định đoạt tương lai của cá nhân nào ... Mày không có quyền gì với chúng nó ... Thế hệ mày thế hệ tao vứt đi cả rồi. Chỉ chúng nó mới xứng đáng thừa

huởng và phát huy cái di sản vinh quang mà Đảng tiên phong đã thực hiện được và lưu truyền đến con cháu mai sau ...

Hoa cố nghe cho thủng sự tranh luận của hai anh em ruột thịt nhưng cũng chỉ có thể nghe lồm bồm đoạn được đoạn không. Thốt nhiên Hoa nghe thấy một tiếng thét thật lớn, tuồng như đó là loại tiếng thét của người nô lệ từng phải nhịn nhục bao năm, vừa thoát khỏi một sức đè vô hình ngàn tấn. Đó là tiếng thét của chồng Hoa.

— Thế cha mẹ anh cha mẹ tôi có tội gì ?

Hoa sợ hãi nhìn qua khe cửa. Bên trên, ngồi tựa lưng vào vách nhà, Nhân đang gục đầu xuống hai đầu gối; anh còn Sách vẫn ngồi trên ghế rung đùi một cách an nhiên tự tại. Hoa nhìn thấy anh ngó vu vơ quanh nhà, rồi ngó lên bàn thờ gia tiên và thốt mỉm cười. Đây cũng là lần đầu tiên trong đời Hoa thấy được một nụ cười như thế này. Nó lạnh tanh, xa lạ và thật ma quái; thứ nụ cười mà không ai đối diện có thể yên tâm khi nhìn phải. Hoa chợt nhớ đến một cảnh trong phim Dracula. Đúng, nụ cười Hoa vừa bắt gặp trên mặt anh Sách giống hệt nụ cười của một cô gái cười với cha mẹ sau đêm cô đã bị quỷ Dracula cắn cổ hút máu. Nụ cười như một tảng đen ném thô bạo vào bức tranh đầy màu xanh da trời, xanh lá cây và xanh giòng Hương, mà trong đó, theo lời kể tha thiết ngày nào của chồng, Hoa biết anh Sách đã nắm tay một cậu bé là chồng Hoa bây giờ, đi suốt một thời thơ ấu ...

Anh Sách đã đứng lên. Anh vươn vai rồi đá khế vào bàn chân của Nhân. Sau cùng anh cất giọng nghiêm khắc :

— Đó là chuyện của nhân dân. Nó nằm ngoài khả năng đặt thành vấn đề của mày, và kể cả tao.



Những ngày sau này, cô thư ký của phòng 3 quận Tân Bình vô tình đọc được một bản tự khai của một người ký tên Nguyễn Thị Hoa. Bản tự khai loại này thường phải được lưu trữ trong hồ sơ của tên thiếu úy Trai, công an trưởng phòng 3, nhưng chẳng hiểu vì sơ xuất thế nào đó, bản tự khai đã rơi ra khỏi chồng hồ sơ có tám nhãn đề hàng chữ “Hồ Sơ Những Kẻ Nguy Hiểm Đã Tập Trung Cải Tạo”.

Bản tự khai có đoạn viết :

— ... Và tiếng nổ ấy phát ra đã giết chết chồng tôi, anh chồng tôi, ba người bạn của anh chồng tôi và đau đớn hơn giết chết luôn cả hai đứa con tôi. Tôi thề không biết gì về việc này. Tôi cầu xin Cách mạng điều tra và xét lại cho tôi nhờ. Tôi không biết gì về CIA. Làm sao mà một người đàn bà như tôi lại có thể mở chốt lựu đạn cho nổ giữa mâm cơm để giết những cán bộ văn hóa thành và giết cả chồng con anh em tôi !? Xin cách mạng xét lại mà khoan hồng cho tôi. Tôi chỉ là một người đàn bà khốn khổ và hoàn toàn vô can trong tai biến này.

Hà Thúc Sinh

7-1985.

NHỊP TIM THÀNH PHỐ

• Phan Tấn Hải

C hàng đã làm việc ở Sở Văn Hóa Thông Tin Thành Phố từ lâu nay. Công việc ở đó gần như lúc nào cũng nhàn hạ, có ngày không có gì để làm, có ngày chỉ vẽ một mẫu bích chương nào đó. Những ngày không có việc gì để làm, chàng đi quanh quán trong văn phòng nhiều phấn vương vãi như một xưởng vẽ, chân giẫm lên những mớ giấy bột màu, nhìn băng quơ những tấm bích chương cũ và thường ngạc nhiên, làm cách nào chàng đã vẽ lên được những điều mà chàng không muốn. Người ta không thể nào nói cái gì ở ngoài cái đầu của họ được, chàng nghĩ, một tên họa sĩ cũng vậy, hắn không thể nào vẽ cái gì ở ngoài con tim của hắn, nếu không, thì không còn là vẽ nữa mà chính là nói dối. Những lúc đó, chàng lại bước tới gần những mẫu bích chương cũ mà chàng đã ném ở các góc phòng, nhìn chăm chăm vào các đường nét, hình ảnh một thanh niên đang đeo kính với nụ cười thật tươi, hay một chiếc xe máy cày đang chạy dưới những băng khẩu hiệu. Mình không thấy có một nét cọ nào có vẻ là của mình cả, hy vọng là những tên bạn thân của mình cũng thấy như vậy. Rồi chàng lại quay về bàn ngồi, lật thờ ơ những tập tranh đã cũ mèm của Renoir một người bạn cho từ năm trước, chờ cho hết giờ để

B.R., September 8, 2017

về. Những ngày giờ đã trôi qua trong đời chàng cứ lặng lẽ như vậy, và đôi khi thì là với một chút ngạc nhiên như vậy, về chính những nét vẽ của chàng. Vào những ngày gần lễ, chàng lại cầm lên những cây cọ, chui đầu vào những khung giấy, vẽ những khẩu hiệu và hình ảnh mà các thợ vẽ Hà Nội vẫn thường vẽ. Và buổi chiều, chàng lại đạp xe về căn nhà nhỏ ở ngoại ô, chỉ là một góc ga ra cũ được che lại.

Một đôi lần, chàng đã tính tới chuyện nghỉ việc, nhưng chưa biết phải làm gì để sống. Ở đâu thì cũng phải làm việc để sống, nhưng cái việc mình đang làm ở đây có đáng gọi là công việc không, chàng vẫn thường băn khoăn, làm việc nghĩa là đem cái gì đẹp nhất và đáng quý trọng nhất của mình để dâng tặng cho đời, nhưng ở đây, mình lại vui dập nó đi và làm những điều mình không muốn. Hình như không có chỗ nào đang hoang cho một họa sĩ sống trên nước mình bây giờ cả. Và chàng lại nhớ tới những người bạn khác cùng lớp Mỹ Thuật, có thể lúc nào đấy mình cũng phải xoay sở theo tụi nó mới được. Mình cũng có thể vẽ tranh phong cảnh để gạ gẫm bán cho khách nước ngoài cũng được, cũng có mấy thằng sống được bằng cách này rồi. Kỳ đó mình đã nói với tụi nó, cũng lạ, đưa nào cũng chỉ dám vẽ tranh phong cảnh thôi, chẳng đưa nào dám vẽ tranh con người nữa, tao đoán không phải vì sợ không bán được cho khách du lịch mà chỉ vì sợ không giấu được đôi nét bi thương trên những khuôn mặt kia hay một nụ cười châm biếm nào đó thì lại tù cả lũ. Nhưng chàng lại sợ những điều dễ dãi có thể làm hư nét vẽ của chàng, vậy mà ở đây, mình cũng đang phá tay của mình đấy. Có lúc, chàng muốn nhảy ra theo người bạn thân, Tân, buôn bán những vật dụng vẽ. Có lẽ khi mình không cầm cọ nữa thì cũng đỡ đau khổ hơn, có thể vậy lắm, nhưng người ta không thể giải quyết tận căn rễ một đau khổ bằng cách chạy trốn nó được, mà đối diện với nó mình lại chẳng làm được gì. Và lại, Tân nó cũng chưa sống nổi với cái nghề đó, nào có bao nhiêu lớp dạy vẽ ở thành phố mà tới hơn chục thằng buôn

bán vật dụng vế. Và những lúc lòng chàng rối loạn như vậy, chàng lại ra tìm Tân nói chuyện cho qua những buổi chiều mà chàng thường gọi với bạn là buổi chiều của những người lương thiện trên nước mình. Hai người ngồi trên một vỉa hè nhỏ ở một góc chợ trời Kim Biên, trước mặt bày một mớ cọ, sơn, hồ ... mà Tân đã kiếm được nơi nào đó. Những người đến rồi đi, ồn ào cái cọ, gạ gẫm bán những món đồ phế thải này rồi lại mua những món đồ phế thải khác. Chàng nhìn tất cả những sinh hoạt chộp giựt của ngôi chợ trời, những người Hoa già chưa quen tiếng Việt nhưng biết cách mở tất cả những nhà kho bí mật nhất của chính phủ, các trẻ em đen đúa chỉ mặc có mỗi quần đùi đi lang thang trong khắp khu chợ sẵn sàng ăn cắp tất cả những gì sơ hở dù chỉ là một điều thuốc, những người bộ đội già ngơ ngác giữ chặt lấy sắc vai bị nịu kéo gạ bán những chiếc đồng hồ ba kim hai lịch, có khi chàng lại kể cho bạn về những âu lo nào đấy.

— Nước mình rồi chẳng ai biết được sẽ đi tới đâu, cả một nền kinh tế sụp đổ, người ta rồi cứ phải chạy theo những điều xấu cả thôi.

Tân trả lời một cách lạnh lùng, những món đồ bán được một cách khó khăn làm cho hắn quan tâm hơn là lời của bạn :

— Điều cần thiết vẫn là con người có đang sụp đổ hay không. Nếu có thì không còn gì đáng nói cả, còn nếu chưa thì vấn đề là chúng ta đang làm gì để biết được là chúng ta đáng còn là con người.

Người Trưởng Phòng của chàng, một tay họa sĩ già ở Hà Nội vào, không làm khó dễ chàng lắm dù vẫn kín đáo theo dõi. Lão thường lý luận về lối vẽ hiện thực xã hội như một ưu thắng của nghệ thuật và chê bai những trường phái khác. Những lúc ấy, mặt lão lại bạnh ra, hai nếp nhăn bên mép dài xuống, nhe mấy răng cửa khổng lồ ra trước nói

hung hăng. Đôi khi chàng phải lùi lại xa hơn một chút để tránh bị văng phải nước bọt vào mặt. Chàng chưa thấy ai nói chuyện về nghệ thuật một cách say mê như vậy, nhất là khi lão nói về những điều lão chỉ mới đọc được trong các quyển phê bình đại cương.

— Tôi không hiểu các anh trong này sao lại đề cao lão Pi Cát Số được. Cứ nhìn nét vẽ thôi cũng đủ biết phản động số một, duy tâm hạng nặng đấy. Vẽ người thì lại hai mặt, có khi cổ dài ngoằng bằng ba kích thước, lại còn thân người đầu thú nữa, thế là thiếu tính nhân đạo, bôi bác con người quá lắm ...

Chàng vẫn cúi đầu trên giấy vẽ, cố ý thờ ơ trong cách trả lời :

— Ấy, anh ta là đảng viên Cộng Sản Pháp đấy.

Những lúc vậy, lão lại bắn khoả ra mặt, mấy răng cửa khổng lồ như co lại :

— Vậy là các đồng chí bên Pháp thiếu tính chuyên chính, thỏa hiệp cả với nghệ thuật phản động của tư bản ...

Trong những buổi nói chuyện như vậy chàng rất ít nói, trả lời như có vẻ thờ ơ và nhát gừng. Lão lại ưa tán lan man tới bất cứ gì lão nghĩ ra được trong ngày, có khi nguồn cảm hứng từ một bài báo nào đó, từ việc bố cục tranh chẳng hạn, hoặc ngay cả một lá cờ treo trên tường. Hai nếp nhăn bên mép lại dài xuống, mấy răng cửa khổng lồ lại nhô ra, lão nói :

Về vấn đề biểu tượng hóa thì chúng ta là số một đấy, anh cứ thử nhìn lá cờ xem. Búa với liềm là biểu tượng cho giai cấp công nhân và nông dân, thật đơn giản, ai cũng hiểu được, thế mà tính tuyên truyền và thuyết phục lại cao hơn cả trăm bài diễn văn. Nghệ thuật phải như thế đấy. Người ta đâu có cần nói nhiều. Cảm xúc tạo nên nghệ

thuật, rồi nghệ thuật lại khơi dậy cảm xúc quần chúng. Thời buổi bây giờ tôi chẳng thấy có bao nhiêu đáng gọi là nghệ thuật ...

Chàng ngẩng lên mỉm cười nhẹ khi nhận ra lão đang lặp lại một đoạn trong quyển sách mới phát hành của nhà xuất bản Sự Thật, rồi lại nói một câu qua loa cho xong chuyện :

— Cứ nghệ thuật với biểu tượng, thật là mệt để làm một cái gì có thể gọi là sáng tạo. Người ta có biết bao nhiêu chuyện để lo trong ngày.

Lão có vẻ hưng khởi khi thấy chàng chịu nghe :

— Áy, cái gì nó cũng phải có một quá trình cả, đâu có phải tự nhiên mà được. Nào, để tôi tìm một thí dụ cho anh rõ. Thí dụ như là ... Không được, để tôi tìm thí dụ khác — Lão nhăn mày lại suy nghĩ, hai nếp nhăn bên mép lại dài trệ xuống — Quá trình, tôi vừa nói đến quá trình thì phải. Khoan, để tôi đổi anh, đây là vấn đề của các họa sĩ đấy nhé. Nếu anh phải vẽ một biểu tượng cho Sài Gòn thì anh vẽ cái gì ?

Chàng hơi ngần người ra :

— Cái gì ? Biểu tượng cho Sài Gòn à. Tôi chưa nghĩ đến nhưng đâu có gì khó khăn đâu ... Chẳng hạn như nhà thờ Đức Bà cũng có thể ...

Lão Trương Phòng cười phá lên :

— Ha ha, đó là bọn Tây nó dựng lên, có chăng là mồ hôi của dân mình. Anh thử tìm một cái khác xem, tôi nhớ là các anh khi vẽ Sài Gòn đâu có chọn biểu tượng đó.

— Hừn ... Có thể chọn chợ Bến Thành được đấy, tôi có thấy đôi người vẽ thế ...

Lão lại cười phá lên, nhô hẳn mấy răng cửa khổng lồ

đầy bọn ra ngoài :

— Ha ha ... Tôi đã đoán ngay anh sẽ nói tới nó, không thể khác được, tôi cũng đã thấy đôi người vẽ thế. Anh thử suy nghĩ xem, nói tới Hà Nội, chúng ta nghĩ ngay tới Chùa Một Cột, nó là cái gì rất dân tộc, nông nân, thân mật, như thể đã nằm ngay ở trong chúng ta chứ không phải đang hiện hữu trước mắt ta. Nhưng có thể vài chục năm nữa, với những thế hệ mới thì biểu tượng Hà Nội sẽ là Lăng Bác Hồ chăng hạn. Tất cả đều là chính bàn tay nhân dân làm ra. Ấy, lý luận thêm một bậc nữa, không chung sẽ có thằng chính ủy nào sẽ nói thêm là Chùa Một Cột đáng bỏ đi vì do từ sáng kiến giai cấp phong kiến. Không, tôi không cực tả đến vậy, tôi là một họa sĩ cũng như anh thôi. Ha ha ... tôi rất thích thú vì thấy anh nghe chăm chú đến vậy. Đây đúng là vấn đề của chúng ta đây, vấn đề của các nhà nghệ sĩ thiết tha với những vẻ đẹp của dân tộc. Thế đấy, anh đã chọn ngay chợ Bến Thành như những người khác. Nó là gì nhỉ, bốn bức tường dựng lên, một cái mái khổng lồ chụp xuống, hết rồi, thế mà nó lại là biểu tượng cho cả Sài Gòn. ha ha, xấu xí, loang lổ còn hơn son phấn tàn tạ của một cụ già chín mươi tuổi. Mà nó do ai dựng nên ? Máy thẳng Tây đấy. Miền Nam chưa đủ một quá trình văn hóa để có một biểu tượng nào có ý nghĩa và đáng hoang hơn một chút ...

Chàng cảm thấy mặt nóng lên, nguyệt ngoác mấy nét lồi thoi trên giấy rồi ném qua một bên :

— Này, tôi sinh ra ở Sài Gòn đấy. Người ta không thể nào nghe một người khác nói xấu về nơi mình đã sinh ra.

Lão lấy tay vỗ vỗ vào vai chàng, nhưng giọng nói vẫn một chiều thích thú :

— Tôi hiểu, tôi hiểu. Nếu có tên nước ngoài nào nói với tôi thế, tôi sẽ đâm vỡ mặt nó ra, không chần chừ chút nào vì tôi là người Việt Nam và Sài Gòn cũng là một phần của quê

hương tôi, cũng anh hùng, cũng kiên cường. Nhưng ở đây mình chỉ nói chuyện nghệ thuật thôi. Đảng cũng đã thấy những điều tôi đã thấy, sẽ tới một ngày gần đây, rất gần, Nhà Nước sẽ đập tan cái ngôi chợ xấu xí đó, cái biểu tượng kỳ cục đó, để dựng lên một cái gì đáng gọi là nghệ thuật. Tất nhiên là cũng có những dụng ý chính trị, nhưng chúng ta chỉ muốn bàn tới một quan điểm nghệ thuật thôi vì chúng ta chỉ là những nhà họa sĩ.

Chàng ngẩng lên nhìn thẳng vào mắt lão :

— Tôi vẫn luôn luôn tin rằng điều quan trọng chính là con người chứ không phải một ngôi chợ hay một cái chùa. Chính con người đã dựng lên tất cả. Và ... người ta có thể đập tan một trăm ngôi chợ nhưng không thể bẻ gãy được tư tưởng của con người. Tôi cũng chỉ nói vấn đề nghệ thuật thôi, chẳng có ý gì cả. Tư tưởng là — chàng đâm ra ngạc nhiên tại sao lại nhiều lời với lão như vậy mà vẫn không kèm được lời nói — cái gì đẹp nhất của con người mà biểu hiện của nó ở một mặt nào chính là nghệ thuật. Người ta có thể xóa bỏ một biểu tượng nhưng không thể xóa bỏ cái gì đã làm nên biểu tượng đó. Tôi nghĩ là người Sài Gòn rất là xuề xòa bình dân và họ không thích những gì phức tạp. Một ngôi chợ như chợ Bến Thành chẳng hạn, có lẽ là đủ, một nơi để đến, để gặp bạn bè, để mưu toan tất cả chuyện đời. Có lẽ như vậy. B.R., September 8, 2017

— Tôi tin là anh nói đúng. Nhưng những người có tư tưởng khác biệt lại không được phép hiện hữu trên trần gian này. Đó là ý nghĩa của sự chuyên chính, ha ha ... Anh có thấy cái đồng hồ trên mặt chợ Bến Thành không. Nó hư từ mấy năm nay, rất dễ để sửa cho nó chạy, bất kỳ một tên thợ đồng hồ tài tử nào lên sửa cũng xong. Nhưng thật sự thì nó đã đứng lại từ mấy năm nay, không vì hư mà vì Nhà Nước không cho nó chạy. Bây giờ đi ngang qua đó, người ta sẽ không ngẩng lên để nhìn giờ nữa, và tới một lúc họ sẽ quên hẳn là đã từng có nó trên trần gian này. Còn ngôi chợ

cái mà nhiều người cho là có thể thay thế được cho Sài Gòn đó, tới một lúc nào đó sẽ được thay thế, và người ta rồi cũng sẽ quên hẳn nó đi ...

Lão bước ra ngoài từ lâu rồi, nhưng chàng vẫn nghe lòi lẻo như còn vang vang trong phòng. Vẫn còn lẫn quất đầu đó giọng cười hô hô đó. Chàng mới chợt nhớ ra trước giờ chàng đã quên hẳn cái đồng hồ trên mặt chợ. Nó đã bị phá hư từ hồi nào với một lớp bụi dày làm mờ hẳn mặt số. Chàng nghĩ : “Hẳn là nhiều người cũng đã quên là có cái đồng hồ trên đó hay không nữa. Chúng ta đã quên, và họ chờ cho chúng ta quên. Nhưng người Cộng Sản thì họ không quên điều gì cả”. Chàng đi đi lại lại trong phòng băn khoăn về những điều lão vừa nói. Chàng nghe nhói trong lòng khi nghĩ đến ngôi chợ, tự cảm thấy mình có lỗi khi không thể nhớ được cái đồng hồ đã đứng lại từ nhiều năm kia có ba kim hay hai kim và đang chỉ mấy giờ. Chàng vẫn đi qua nó hàng tuần và đã mất hẳn thói quen nhìn giờ. Đúng như lão nói, thậm chí nếu nó đã bị gỡ ra mình cũng chẳng hề biết tí nào.

Chàng cố gắng hình dung lại ngôi chợ nhưng không thể nào nhớ hết được. Nó là cái gì gần gũi đến không gọi được phần nào chú ý hằng ngày. Chàng đã đến với nó từ những ngày thơ ấu, theo mẹ vào mua những món đồ gì đấy, rồi những ngày đi học ngang qua đôi khi tấp xe đạp vào uống ly nước mía đầu chợ, cho tới những ngày chợ Tết lang thang nhìn những cô bé áo dài duyên dáng đứng cười bên quầy rượu. Chàng còn nhớ những ly nước mía ngọt thế nào thường khi còn thêm vị chua của trái quất, cũng như nhớ những cô bé kia xinh đến thế nào với nụ cười đêm Xuân còn đậm men say hơn cả rượu, nhưng ngôi chợ kia, nó có những vách bằng đá hay tôn chàng cũng không còn nhớ. Những tấm bảng quảng cáo hẳn là được gỡ xuống rồi đấy, bọn nó không thể nào thích nhìn tên chà Hynos hay cô gái perlon được. Trước giờ chàng vẫn nhìn ngôi chợ như

một có mặt tự nhiên phải có, không thể thiếu vắng được, nhưng nó có mặt thế nào thì chàng lại không biết và đang bị phá hoại thế nào chàng lại càng không hay. Chàng đốt lấy một điếu thuốc, ngồi gác chân lên bàn mặc cho mọi công việc trong ngày. Chàng cũng có thể biện minh với một lý do nào đấy, chẳng hạn như với một nghệ sĩ như chàng có lẽ điều quan tâm duy nhất phải là vẻ đẹp hoặc là chính chàng cũng không để ý tới sự có mặt của chàng thì nói gì tới một ngôi chợ. “Đúng vậy, thực sự thì mình có thể biện minh được tất cả nếu mình phải biện minh, nhưng bây giờ mình đang nhìn thấy từng viên gạch trên tường chợ đang bị đập nát đi, từng mảnh tôn trên mái bị kéo giạt xuống và tất cả mọi lý luận chỉ càng xé nát lòng mình ra. Rồi cũng sẽ chẳng ai kết án mình cả vì mình cũng chỉ là một tên quá yếu đuối và ngây thơ nhưng còn cái mà người ta gọi là tòa án của lương tâm kia, nó đang ở đâu ? Mình đang nhìn thấy tất cả đang bị phá hoại kể cả chính con người mình nữa, và mình lại quay mặt đi ...”.

Buổi trưa đó, chàng bỏ về và không bao giờ bước đến văn phòng nữa. Chàng đến tìm Tân và ngồi ở đó hết buổi chiều. Chàng kể cho bạn nghe về chuyện lão già hôi sảng, giọng ngất quăng trầm xuống vì không nhớ chính xác cả những lời chàng đã nói với lão. Tân vẫn ngồi yên lặng chăm chăm nhìn vào nắng chiều. Chàng không hiểu Tân có hiểu rõ hết những gì chàng muốn kể không, chàng nói và thấy lời mình như tan ra, như tiếng nứt rạn của con tim. Và chàng nói về ngôi chợ với những lời không đâu vào đâu, không kiểm soát được, về những ngày thơ ấu vào chợ, về màu nắng chết nằm trên những mái tôn, về những người con gái thơm hương rượu ngày Xuân. Chàng nhìn vào Tân, hần vẫn đắm chiều nhìn về xa, chàng nắm lấy ngực áo hần ra và lay mạnh :

— Tôi ngạc nhiên thấy bạn không xúc động gì về chuyện này. Đáng lý ra bạn phải nổi giận hoặc tặc lăm thì

cũng khóc như tôi đang muốn khóc. Bạn đã từng là một tên phê bình hội họa nổi tiếng, bạn phải biết điều này có ý nghĩa gì chứ. Nếu chỉ là một ngôi chợ thực sự không đáng gì cả, nhưng đây lại là cái gì khác hơn, là cái mà cả Sài Gòn đều hướng đến, là niềm vui của họ, là nơi mà tất cả các con đường quy về. Còn cái đồng hồ kia nữa, ngay cả nó có đang chạy ngược chúng ta đều không biết, hoặc biết mà lơ đi. Trời ơi, bạn không hiểu chuyện gì đang xảy ra à ...

Tân giật tay bạn xuống, sửa lại cổ áo, giọng vẫn lạnh lùng :

— Đúng như bạn đã nói với lão, họ có thể bẻ gãy tất cả trừ con người ra. Nhưng bạn thử nhìn lại con người xem, nhìn lại chính chúng ta xem, có thực như vậy không. Chúng ta đang ngồi ở đâu và đang làm cái gì mà dám gọi là chưa bị bẻ gãy.

Chàng nhìn vào mắt Tân ngạc nhiên :

— Bây giờ mình phải làm gì nhỉ ...

— Đừng để người khác trả lời cho bạn điều đó.

Giọng Tân đã nghẹn lại như không phải vừa mới trả lời cho bạn, mà như là vừa tự chất vấn mình. Hắn vẫn nhìn đăm đăm về những vĩa hè loang nắng phía trước không chớp, chàng thoảng ân hận vì có hơi cộc cằn với bạn nhưng vẫn cảm thấy không cần gì xin lỗi. Chàng nhìn sự câm lặng của bạn và thấy đau lòng. Dù vậy, chàng nghĩ, đáng lý ra mình phải cộc cằn với hắn mạnh bạo hơn nữa, vì khi xúc phạm bạn cũng là tự xúc phạm mình, và mình thì đáng bị xúc phạm như vậy. Còn đôi mắt đăm đăm kia của Tân, hắn có thấy khác biệt gì chẳng giữa màu nắng loang lổ vĩa hè trước mặt với màu nắng chết sững trên những vách chợ Bến Thành. Chàng không biết Tân có hiểu hết ý chàng không nhưng không biết lời nào diễn tả thêm, chàng muốn nói với bạn, tôi tin là bạn phải hiểu nhiều hơn

tôi về tầm mức những chuyện này, bạn không nghe gì à, tim tôi đã ngừng đập rồi, chiếc đồng hồ khổng lồ trên chợ Bến Thành đã đứng lại, tất cả mọi người vẫn còn đi đứng ăn thở nhưng không còn nghe được một nhịp đập nào của tim nữa. Nhưng chàng đã quay người bỏ đi, bỏ ngôi chợ trời và người bạn ở sau lưng, chàng không muốn có ai nhìn thấy chàng khóc.

Khi chàng lững thững ra tới đầu chợ đã thấy Tân chạy theo, hấn đi bên cạnh chàng và không nói một lời, hấn đã thu xếp dẹp đồ ở đầu đó và theo bạn. Chàng bóp thật chặt tay bạn, tay hấn đã lạnh như nước đá.

Hai người lang thang trên những đường phố Sài Gòn. Buổi chiều rơi xuống trên những cành lá xanh, chảy những giọt nắng giữa kẽ lá, lung linh nhảy múa theo gió lay động và nuối tiếc đuổi theo trận mưa lá me nhỏ bay khắp phố. Họ nhìn lên mái ngôi nhà thờ Đức Bà, nắng vàng ửng trên màu ngói đỏ, trên những tường đá gạch vuông vắn, trên những vuông kính đứng ngời đăm chiêu các vị thánh nhìn xuống trần gian, màu cỏ vẫn tươi xanh lấp lánh nắng thiên đường và trong gió vẫn thì thầm lời hứa bất tử cho người trở thành muối trần gian. Họ bước qua những con đường lát đá gập ghềnh, dưới những hàng cây trác bá khổng lồ, giữa những người Sài Gòn bây giờ đã cảm lạnh như đá tảng nhưng trên mặt vẫn hằn lên những vết sâu của đau khổ, những người vẫn đang đi mà cảm thấy mình như đã chết. Hai người đến nhìn những bức tranh phong cảnh đồng quê những người bạn họ bày bên đường cho khách nước ngoài đến mua, nhìn những cây dừa trĩu trái, những đồng lúa vàng ngợp trên vải, nhìn những nét vẽ ngượng ngập không vui của bạn họ. Họ đưa những bàn tay chào nhau giữa phố, không nói một lời, rồi quay đi ... Nhưng chàng và Tân không dám nhìn ngôi chợ và chiếc đồng hồ khổng lồ kia, hai người bạn biết điều gì đang xảy ra cho nó, lão già kia đã nói sự thật, và họ, họ không dám đến để nhìn

thăng vào sự đau khổ của họ. Họ bước đến chợ sách, nhìn những trang giấy một thời họ đã say mê và lớn lên, bây giờ đang được chuyển tay bán lén lút giữa những người đứng ngồi vội vã trong chợ, nhìn những người gầy gò lặt lặt, lui ngáu nghiêng những dòng chữ cũ, những người như bây giờ không sống bằng cơm gạo mà như sống bằng ước mơ và suy tưởng. Họ đi và nhìn những con phố, nhưng vẫn không dám đưa chân đến nơi mà họ muốn đến. Và họ trở về trong bóng đêm, không thấy cả đường trước mắt.

Đêm đó, chàng nằm mơ thấy lão già kia, tên họ sĩ già Hà Nội đó, với hai nếp nhăn bên mép dài xuống, với hàm răng nhô hẳn đầy bên ra ngoài, với cả đôi mắt nhìn tinh quái như đọc được tư tưởng của chàng. Lão đang nói những lời mà chàng không hiểu, miệng lão mấp máy say sưa vắng đầy nước bọt vung vãi ra khắp cả những đường phố chàng đi khi chiều, mắt lão vẫn nhìn thẳng vào mắt chàng chế giễu tinh quái, rồi lão cười hô hố, tiếng cười làm tắt đi cả những tia nắng vàng, làm lạnh khắp cả hệ phố, làm khô trụi tất cả cây trên đường. Cuối trận cười, hàm răng lão nhô hẳn ra ngoài, lão đưa bàn tay khổng lồ lên nắm lấy ngôi chợ với chiếc đồng hồ khổng lồ kia bẻ nát, những viên gạch rơi ra, những tấm tôn bay lên, những người dân nhỏ bé chạy tứ tán và than khóc, lão tóm lấy tất cả đưa vào miệng nhai, nước giải chảy dài hai mép. Lão vừa nhai vừa cười, hai mắt vẫn nhìn chằm chằm vào chàng chế giễu ...

Chàng thức dậy với người đầy mồ hôi, lúc bảy giờ trời vẫn chưa sáng. Chưa có một tiếng xe nào ngoài đường. Cái ga ra nhỏ mà chàng đang ở trở nên nhỏ bé hơn bao giờ hết. Chàng thèm đi ngay đến nhà Tân để kể cho hắn nghe về giấc mơ vừa thấy, nhưng trời vẫn còn giới nghiêm. Chàng cảm thấy những giọt nước mắt trong giấc mơ vẫn còn đọng lại trên khoé. Chàng thấy thèm được vẽ, thèm cầm lên những hộp màu và ngồi trước khung vải dù ngày mai,

!! ngày mai chàng không biết phải đi ăn ở đâu. Chàng muốn về ngôi chợ kia với chiếc đồng hồ khổng lồ đang reo vui những tiếng tíc tắc như nhịp tim thành phố, vẽ những con gái e thẹn dấu những nụ cười sau quầy rượu đêm Xuân, về những người phu xích lô đang ngẩng nhìn những kim đồng hồ trước chợ kia, không để xem giờ nhưng là để thấy được hạnh phúc của họ, vẽ những em bé đang bò trên những mái tôn chợ đuổi theo những cánh bò câu, vẽ những vị Thánh bước ra từ những khung kính nhà thờ Đức Bà và tới bay lượn quanh chợ với những vẻ mặt không bao giờ còn có dịp đắm chiều nữa, vẽ những nhà thờ đi phất phơ trong chợ ngạc nhiên về những nụ cười ngây thơ và hạnh phúc của chính họ. Hẳn là người bạn thân đó của chàng sẽ khoái trá lắm, nhà phê bình hội họa vĩ đại của thành phố đó đã nhiều năm không được nhìn thấy những bức tranh mà hẳn ưa gọi là những mảnh tim vỡ của họa sĩ. Bấy giờ hẳn sẽ phê bình thế nào nhỉ, và chàng lại băn khoăn khi nhớ tới những chiếc kim đồng hồ đang đứng lại một hôm nào sẽ bị bẻ gãy và lời hẳn nói hôm qua : “Chúng ta đang ngồi ở đâu và đang làm gì nhỉ, những chiếc kim kia rồi đang bị bẻ gãy, còn chúng ta, có thật là chưa bị bẻ gãy chăng ?”.

• Phan Tấn Hải

SÀI GÒN, NẮNG ẤM và NƯỚC MẮT

B.R., September 8, 2017

• *Nguyễn Nam Chi*

Ngày 18-2-1973, hai mươi một ngày sau khi “hiệp định Paris” được ký kết, một vụ trao trả tù binh Hoa Kỳ diễn ra tại Hà Nội. Ba sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, thành viên của Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự bốn bên, đã đi Hà Nội và ở đó một ngày để chứng kiến vụ trao trả tù binh nói trên. Cả ba người đều đã từng sống ở Hà Nội trước cuộc di cư 1954 : chuyển đi Hà Nội của họ chính là chuyển trở về đầu tiên sau mười chín năm xa cách. Những “người yêu của Hà Nội” — nghĩa là những người rời bỏ Hà Nội năm 1954, những người mà phần đời thơ ấu, hoặc thời tuổi trẻ, hoặc nửa cuộc đời, gắn liền với ba mươi sáu phố phường Hà Nội — không ít thì nhiều đều bị xúc động trước cuộc-trở-về-một-ngày của ba sĩ quan QLVNCH. Đài Phát

Thanh Sài Gòn thực hiện ngay một cuộc phỏng vấn vào ngày 19-2-1973. Bài phỏng vấn này cùng một số hình ảnh Hà Nội (hình cũ và hình mới chụp trong ngày 18-2) được in chung trong cuốn “Một ngày tại Hà-Nội” (1).

Bao nhiêu nhớ thương, bao nhiêu cảm khái đã dâng lên ngập lòng những người yêu của Hà Nội, khi mở cuốn sách ra, nhìn những hình ảnh thân quen : đường Bờ Hồ, đường Trần Hưng Đạo, đường Lý Thường Kiệt, đường Đồng Khánh ..., Hồ Gươm, Hồ Thuyền Công, nhà Bru Điện, chùa Một Cột ... Và cùng với những nhớ thương, cảm khái ấy, là cả một niềm cay đắng, một nỗi xót xa đến tận cùng khi nhìn thấy những hình ảnh sống thực của Hà Nội sau mười chín năm chia cách. Một Hà Nội với hơn một trăm bức hình chụp mà không tìm thấy nổi một nụ cười. Một Hà Nội mà *“Hình như người dân không còn ai có cá tính nữa. Họ cùng mang trên nét mặt một vẻ lạnh lẽo âm thầm. Không một cô gái nào có nổi một chiếc áo dài. Cũng không một thiếu nữ nào có nổi một đôi giày. Họ đều mặc quần thām, áo cánh, áo cánh nâu, áo cánh xám, áo cánh trắng màu cháo lòng, đi dép, thứ dép được cắt bằng lớp xe hơi cũ, quai bằng cao su, và thứ dép bằng plastic màu ngà, hoặc đi chân đất. Đàn ông thì hầu hết mặc quần áo đại quan ; hay đồng phục cán bộ màu xám. Riêng các thiếu nhi, các em đều phong phanh những chiếc áo vải mỏng, áo lên cũ kỹ, dù ai cũng biết rằng cái rét ở Hà Nội vào tháng giêng là cái rét cắt da, cắt thịt, các em phần lớn đi đất, và đất ở miền Bắc vào những ngày chưa hết Tết này, phải được ví như những tảng nước đá”*.

Mười chín năm lià xa thành đô yêu dấu, những người yêu của Hà Nội sống người trước những hình ảnh mới

(1) Tác giả là Thiếu Tá Phạm Huấn, một trong ba sĩ quan Quân Lực VNCH đã trở về Hà Nội ngày 18-2-73. Hai người kia là Thiếu Tá Đinh Công Chất và Thiếu Ủy Dương Phục. Sách được xuất bản lần đầu tại Sài Gòn năm 1973 và tái bản tại Hoa Kỳ năm 1983.

nhất được mang ra khỏi Hà Nội ngày 18-2-1973, và không còn biết nói gì hơn là chia xẻ nỗi đau đớn trong tiếng nói người phóng viên Đài Sài Gòn khi kết thúc cuộc phỏng vấn ba sĩ quan vừa trở về từ Hà Nội :

“... Hà Nội còn đó, nhưng Hà Nội đã làm chảy nước mắt tất cả những người nhìn thấy lại Hà Nội.

“Hà Nội nghèo, nhưng người ta không thể tưởng tượng Hà Nội có thể nghèo đến thế !

“Hà Nội già, nhưng người ta không thể tưởng tượng Hà Nội có thể già đến thế !

“Người ta đã làm gì Hà Nội, sau gần hai mươi năm đóng kín cửa Hà Nội, để khi chúng ta đẩy được cánh cửa quá khứ ra, Hà Nội chỉ còn như một cái xác không hồn như thế ?

“Tất cả những lời khoa trương, dối trá cho Hà Nội, không còn che dấu được cho Hà Nội nữa. Bởi vì Hà Nội đã được nhìn tận mắt của một người yêu Hà Nội, muốn biết những sự thực về Hà Nội.

“Sự thực là Hà Nội vẫn còn nguyên vẹn, nhưng từ mọi góc phố, mọi con đường, người ta chứng đều nghe thấy, nhìn thấy, tiếng thở than ngậm ngùi, về điều linh bạc nhuộc của Hà Nội ...

“Hết rồi Hà Nội gót son.

“Hết rồi Hà Nội chân trắng ra về lối đẹp hơn của Văn Cao.

“Hết rồi Hà Nội bay đến bên em, em tô quầng mắt, em tôi ngập ngừng trong tấm ao nhung của Đoàn Chuẩn.

“Hà Nội bây giờ là Hà Nội quần thâm áo cháo lòng, Hà Nội chân đất, chân dép nhựa, Hà Nội còng lưng đạp xe đạp.

“Hà Nội đã chết !”

Năm 1973, mười chín năm sau khi rời bỏ Hà Nội, những người yêu “hôm qua”, khi nhìn lại hình ảnh “hôm nay” của Hà Nội, chỉ còn biết buông một tiếng thở dài : Hà Nội đã chết.

Mười chín năm, khoảng thời gian quả là đáng kể đối với một đời người ngắn ngủi. Có những người khi ra đi còn là cậu bé học trò ngây thơ, sau mười chín năm đã đủ trưởng thành để ngậm ngùi trước hình ảnh một Hà Nội câm nín, tiêu tụy. Có những người khi ra đi đang còn trong tuổi thanh xuân, sau mười chín năm đã thấy cuộc đời mình bước vào buổi chiều, và giấc mơ hồi hương đã mờ phai dần như một lời hứa lỡ. Mười chín năm : khoảng thời gian ấy đối với những người ra đi đã đủ dài để chứa chất bao nhiêu thăng trầm, đổi thay, bao nhiêu buồn vui, bao nhiêu ngọt bùi và cay đắng ...

Nhưng đối với những người ở lại thì mười chín năm không phải chỉ đơn giản là một khoảng thời gian dài mà thôi. Nếu chỉ là một khoảng thời gian dài, như bất cứ khoảng thời gian dài nào khác trong đời sống con người hay đời sống một thành phố, thì chắc mười chín năm ấy đã không giết chết được Hà Nội. Từ một thủ đô ngàn năm văn vật, biến thành một cái xác không hồn, Hà Nội hẳn đã phải kinh qua những nỗi đoạn trường nào đó mà những người ra đi khó tưởng tượng ra được.

Và, nếu những người bỏ Hà Nội ra đi năm 1954 nghĩ rằng Hà Nội đã chết sau mười chín năm đóng kín, thì ý nghĩ đó vẫn không được chính xác lắm. Chẳng qua là vì mãi đến năm 1973 họ mới gửi được ba đại diện trở về để ghi nhận và đem ra một số hình ảnh, nói lên rằng “*Hà Nội đã không còn là Hà Nội nữa*”.

Thật ra, cái chết của Hà Nội, hiểu theo nghĩa Hà Nội “không còn là Hà Nội nữa”, đã đến sớm hơn nhiều. Điều

này không cần phải được chứng minh bởi bất cứ một bức hình nào chụp tại Hà Nội từ 1954 đến 1973, mà những người dân sống ở miền Nam tự do chưa có cơ hội nhìn thấy trong suốt thời gian ấy.

Sài Gòn đã chứng minh dùm cho Hà Nội. Chứng minh bằng nước mắt của Sài Gòn, chứng minh bằng từng giọt máu mất đi từ cơ thể của Sài Gòn. Chứng minh bằng chính số phận của Sài Gòn, hai năm sau đó.



Có những từ ngữ thoát thai từ những biểu tượng rất chính xác, nhưng vì bị sử dụng quá nhiều và sử dụng một cách máy móc, nên tưởng như đã trở thành khuôn sáo, mỗi lúc càng mất dần tác dụng đối với người nghe hoặc người đọc. Chẳng hạn chúng ta thường nhắc tới “ngày mà Sài Gòn thân yêu của chúng ta bị NHUỘM ĐỎ”. Quả thật, hình ảnh một thành phố bị nhuộm đỏ là hình ảnh chính xác nhất để nói lên số phận của thành phố đó khi guồng máy cai trị của Cộng Sản bắt đầu được áp đặt. Cái màu đỏ rùng rợn, điên cuồng, ma quái ấy đã up chụp lên Sài Gòn, len lỏi vào từng khe ngách của Sài Gòn, loang thấm từng mảnh đời sống của Sài Gòn, chẳng khác nào một vũng máu tươi đổ xuống nền gạch, chảy loang trên những phiến gạch và trườn vào từng khe hở giữa những viên gạch. Mười năm hay hai ba chục năm sau đi nữa, người dân Sài Gòn cũng không bao giờ có thể quên được cảm giác kinh hãi và đau đớn của mình khi nhìn thấy màu đỏ loang lổ trên thân thể của Sài Gòn, xâm chiếm dần những phần thân thể quen thuộc ấy. Màu đỏ ở trên những lá cờ : Thoạt đầu còn xen lẫn những lá cờ “Mặt Trận Giải Phóng” nửa đỏ nửa xanh, rồi thì màu xanh biến mất để chỉ còn màu đỏ gay gắt của trung tâm quyền lực duy nhất — Hà Nội — ; đó là lúc mà người dân loáng thoáng nghe nói về những xung đột ngầm ngầm giữa “Cộng Sản ngoài Bắc” và “Cộng Sản trong

Nam”, những xung đột rồi đã âm thầm tắt lịm sau từng loạt thanh trừng, kiểm thảo bí mật. Cờ treo trên doanh trại bộ đội, cờ treo trên những cơ sở chính quyền, cờ treo trên tất cả những công trình kiến trúc của thành phố, cờ dán trên tường, cờ dán trên vách nhà, cờ vẽ trên mặt tường vôi trắng, cờ vẽ trên bích chương bằng tôn dọn sóng ... Màu đỏ của những lá cờ bủa vây tất cả mọi ngõ ngách Sài Gòn. Có những ngày lễ lạc hay hội họp quai quýt gì đó, những dây cờ chằng suốt mấy khúc đường Duy Tân, Thống Nhất, Hồng Thập Tự, đập vào mắt người dân đi từ phía đường Công Lý rẽ qua, đỏ thắm như một khu rừng mà lá cây tẩm đẫm máu tươi ; hình ảnh bất ngờ kinh hoàng đến độ người ta bỗng cảm thấy xây xẩm và buồn nôn. Và không phải chỉ có những lá cờ. Màu đỏ còn ở trên những bảng hiệu (mọi bảng hiệu đều vẽ theo một mẫu : chữ vàng trên nền đỏ), những bảng tên cơ quan, doanh trại bộ đội, những bảng vẽ khẩu hiệu thay cho tên cơ quan vì lý do bảo mật (!) Màu đỏ còn ở trên những chiếc khăn quàng, những băng vải đeo trên cánh tay những cán bộ Việt cộng “năm vùng thư thiệt” lẫn lộn với những nhân vật “cách mạng ba mươi” bỗng dung cùng một lúc xuất hiện từ buổi trưa ngày 30-4-75, với súng K-54 bên thắt lưng hoặc gậy gộc trong tay, với nét đanh ác và hung hăng trên khuôn mặt trắng trẻo thô bỉ, xục xạo vào từng khu xóm để dọa dẫm và phô diễn chút quyền uy thừa thái đối với người dân vốn đang bị tê liệt vì sức chấn động đột ngột của một biến cố thê thảm. Và màu đỏ sẽ tiếp tục đỏ thắm trên chiếc khăn quàng đeo quanh cổ những đứa trẻ thơ dại được dụ dỗ đánh bóng cho một mục tiêu tuyên truyền rập theo khuôn mẫu của Cộng Sản quốc tế, — những chiếc khăn quàng đỏ không ngừng nhắc nhở lòng người đau xót nghĩ đến hình ảnh của cô bé khờ khạo trong truyện cổ tích, run rẩy nằm trước nanh vuốt loài chó sói.

Màu đỏ loang lổ trên thân thể Sài Gòn, làm chói mắt và làm đau nhói tim những người dân lần đầu tiên “được”

thấy tận mắt cái quyền uy máu lửa của chế độ Cộng Sản. Bảy năm về trước, trong những ngày kinh hoàng của Tết Mậu Thân, người dân Sài Gòn đã bắt gặp hình ảnh những cây súng A.K., những trái đạn pháo B-40, những cán binh Việt Cộng thuộc “Mặt Trận Giải Phóng” cời trần mặc quần đùi, hung hăng bắn giết rồi gục ngã nhục nhã, chết phơi thây trên đường phố. Đó mới chỉ là hình ảnh những kẻ xâm lược điên cuồng, chưa phải hình ảnh những kẻ thống trị khát máu. Sài Gòn sau 30-4-75 mới thực sự nếm mùi sắt thép bạo lực. Bạo lực mặc quần áo chính tề, ăn nói ngược ngạo, quê mùa và dốt nát đến độ tội nghiệp, nhưng lại tự cao tự đại và sẵn sàng chứng tỏ uy quyền cũng như đường lối thống trị độc đoán một chiều ; chứng tỏ bằng cách hạ nhục tất cả mọi người khác, hoặc tiêu diệt tất cả những sinh mạng vô phúc rơi vào một tình huống đòi hỏi sự chứng tỏ bệnh hoạn ấy. Vài chục tiếng đồng hồ sau khi những chiếc xe tăng T-54 tiến vào đường phố Sài Gòn, người dân được chứng kiến cảnh Việt Cộng biểu diễn khả năng văn hóa an ninh trật tự bằng cách xử bắn tại chỗ những thanh niên và thiếu niên bị khép tội “trộm cướp” hoặc “có hành động chống phá cách mạng”. Máu đổ trước chợ Bến Thành, máu đổ trước chợ Phú Nhuận, máu đọng vũng trên mặt đường nhựa, máu ở lại sau khi những xác chết được mang đi, đập vào mắt những người dân đi ngang qua, như một lời cảnh cáo man rợ. Máu đã đổ rất sớm, và máu tiếp tục đổ trong suốt những năm tháng tiếp theo, bởi vì những vụ xử bắn cứ lâu lâu lại được diễn lại, chẳng khác nào một sự tập dượt cho khởi ... lựt nghề. Từ cảm giác nửa ghê sợ nửa thương xót nảy sinh trước cảnh một người trần trụi không vũ khí bị bắn ngã gục trên đường phố, người dân Sài Gòn không thể không tiến đến cái ý nghĩ rằng giữa những tội phạm bị hành quyết ấy với những người còn sống đang đứng chung quanh đấy, chẳng có một sự khác biệt an toàn nào cả. Mọi người dân, bất cứ ai cũng có thể trở thành tội phạm vào một giờ phút nào đó không được

báo trước, không thể đoán trước. Tất cả mọi người đều tự hiểu rằng tính mạng mình được đặt dưới quyền sinh sát của một thiểu số có súng trong tay, có bạo lực trong tay. Nếu chưa hiểu, họ cũng được đều đặn nhắc cho hiểu. Mười năm sau ngày Việt Cộng chiếm miền Nam, lời nhắc nhở trở lại dồn dập như những ngày đầu : pháp trường tại Thủ Đức và pháp đình ngay tại tòa nhà Quốc Hội, đều phải đông kín những đoàn người dân được lựa tới bắt tham dự, và được vây quanh bởi một hàng rào Công An súng ống tua tủa, tạo thành một không khí sát máu đến độ bệnh hoạn. Giữa người dân và nhà cầm quyền, chưa từng bao giờ có một không khí chất chứa đe dọa và thù hận đến như vậy.



Cái không khí sát máu, chất chứa đe dọa và thù hận mà chúng ta vừa nói tới, đã phủ lên đời sống những người dân Sài Gòn trong suốt mười năm nay, cũng như nó đã phủ lên đời sống những người dân Hà Nội từ hai chục năm trước đó. Chính cái không khí ấy đã tạo nên vẻ “lạnh lo âm thầm” trên khuôn mặt những người dân Hà Nội, mà ba sỹ quan QLVNCH đã bắt gặp khi đi ngang qua đường phố Hà Nội đầu năm 1973. Vẻ lạnh lẽo âm thầm ấy như nổi lên một thân phận đọa đầy, tủi nhục, một nỗi uất nghẹn đau xót đến độ làm rơi nước mắt bao người vừa trở lại.

Những phóng viên ngoại quốc đã từng ở Sài Gòn trong khoảng thời gian 1954-1975, khi tái ngộ Sài Gòn vào năm 1984 vừa qua, đã rơi vào một tâm trạng tương tự. Một trong số những phóng viên ấy đã kể lại sự ngỡ ngàng chua xót của anh ta khi đi tìm mãi mới gặp lại một người bạn Việt Nam, nhưng thay vì được hưởng cái thú vui hàn huyên tâm sự, thì chỉ được gia đình người bạn tiếp đón một cách e dè và nói thẳng với anh ta rằng “tốt hơn hết anh ta chẳng nên tới thăm họ nữa, vì điều ấy chỉ đem lại những

khó khăn, nguy hiểm cho tình trạng an ninh của gia đình họ mà thôi”. Phối kiểm một vài nguồn tin khác, người phóng viên về sau đó đã hiểu nguyên nhân gây nên thái độ xa lạ của người bạn cũ. Khá nhiều người dân Sài Gòn đã đi tù một gông chỉ vì trót dại trao đổi dăm ba câu đối thoại với bất cứ ông khách ngoại quốc nào đó trên đường phố. Cuộc bắt bớ xảy ra ngay tức thì sau khi khách ngoại quốc vừa quay đi chỗ khác, bởi lẽ cả một mạng lưới công an không phút nào ngưng theo dõi sự đi lại, tiếp xúc của những người khách ngoại quốc ấy.

Kinh nghiệm xương máu và bản năng sinh tồn dạy cho người dân sống dưới chế độ Cộng Sản biết cẩn thận giữ mình hơi quá sức bình thường một chút. An ninh là một thứ hiểm hoi, mong manh đến độ người ta luôn luôn cố gắng để có thừa chút ít, chứ không thể thiếu một ít được. Vì thế, không phải đợi đến khi thấy bóng một người ngoại quốc, người ta mới bắt đầu “đề cao cảnh giác”. Thái độ phòng thủ được biểu lộ một cách thường xuyên, tạo cho Sài Gòn một bộ mặt khép kín, câm lặng, và những người dân đi đứng, qua lại hầu như không còn sinh khí nữa, chẳng khác nào những bóng ma dật dờ trong một “thành phố âm binh” — nói theo ngôn ngữ một nhạc sĩ lúc từ trại học tập trở về Sài Gòn : *“tôi bước đi không nghe khóc nghe cười, chỉ thấy môi bao nhiêu người muốn nói; từng bước chân như e dè bước tới - một nghìn trang lớn vô cùng : nước tôi !”* (2)



Sài Gòn có bộ mặt luôn luôn khép kín và câm lặng. Nói như thế e hơi hấp tấp quá chăng ? Sự ồn ào náo nhiệt đâu phải đã hoàn toàn tắt hẳn trong sinh hoạt của người dân Sài Gòn. Lẽ tất nhiên chúng ta chỉ nói tới sinh hoạt của



người dân Sài Gòn, vì chỉ ở đó mới là đời sống thực của thành phố, là linh hồn của thành phố. Những cuộc “mít tinh” rầm rộ để hoan hô đả đảo theo lệnh Nhà Nước, thật ra chỉ là dịp để những người dân khốn khổ bị Công An phường khóm đến tận nhà lừa đi (mỗi “hộ” một hoặc hai người, ba người tùy theo nhu cầu, tùy theo chỉ tiêu được giao). Những cuộc thao diễn, “diễu hành” cũng vậy, người dân chỉ là những con thú bị lôi ra khỏi chuồng và dắt tới bắt đứng vây quanh, bắt vỗ tay theo đúng nhịp vỗ được ra hiệu sẵn, và một cử chỉ hành động sai khác cũng có thể đem tới nhiều hậu quả không lường được. Sự ồn ào náo nhiệt trong những dịp đó — được thâu vào máy để phát lại trên Đài Truyền Thanh, Truyền Hình — chỉ là sự ồn ào náo nhiệt man trá, bịp bợm, chất chứa lời nguyền rủa âm thầm trong cổ họng những người dân tội nghiệp.

Nhưng Sài Gòn cũng có những giờ phút tưởng chừng như sinh động thật sự, tưởng chừng như những đường phố sống lại với tất cả cái rộn rịp vui tươi ngày cũ. Đó là những đêm Noel, những đêm giao thừa, Nhà Nước đặc biệt “xả” giới nghiêm (suốt mười năm nay chưa bao giờ lệnh giới nghiêm được hủy bỏ trên đất nước Việt Nam) Một đêm không giới nghiêm : điều đó không khác chi một tia sáng bất ngờ vụt lóe trong bóng tối mù mịt của đời sống lao tù đặng đặng, vì thế nó cũng có giá trị như một thứ “nắp xả”, một van an toàn để xả bớt hơi ứ ngót ngạt của những ngày tháng bị dồn nén. Tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản hiểu rõ cái tác dụng cần thiết đó, họ khai thác nó một cách tinh xảo, có ý thức. Ngược lại người dân Sài Gòn cũng không biết ý nghĩa của cái ân huệ xả quyết ấy. Tuy vậy, một chút không khí tự do — dù là thứ tự do giả tạo, mong manh ngắn ngủi — cũng đã là quý giá quá đổi trong đời sống của Sài Gòn, và người ta vẫn muốn tận hưởng nó.

Nhưng cái sinh hoạt đông đúc náo nhiệt của đêm

Hà Thúc Sinh : “Thành phố âm binh”

Giáng Sinh ở Sài Gòn thật ra cũng chẳng hơn sự khuấy động của một lớp bọt nổi trên mặt nước thâm lặng. Không phải hầu hết mọi người dân Sài Gòn đều đổ ra đường phố để đi chơi suốt đêm như thời trước. Không phải lệnh xả giới nghiêm có nghĩa là người ta muốn làm gì thì làm trong mấy tiếng đồng hồ ấy. Và càng không phải ai cũng có đủ phương tiện, có đủ sự yên tâm để tham gia vào cái sinh hoạt vui chơi phù du đó. Biến cố 1975 đã đẩy liên tiếp từng lớp người ra khỏi đất nước, và ném hàng trăm người vào chốn lao tù. Sài Gòn đã thoát chốc mắt đi cả triệu giọt máu như thế. Và những giọt máu còn ở lại thành phố thì cũng chỉ là những giọt máu của một thân thể bệnh hoạn. Đêm Giáng Sinh không-giới-nghiêm là đêm để có những người Sài Gòn năm cũ đứng nhìn giòng người đổ xuôi trên đường phố, ngậm ngùi nhớ đến bạn bè chết mòn trong ngục tù, nhớ đến những thân yêu đã xa cách một trùng dương, nhớ đến một thời tuổi trẻ đã tan nát, những ngày vui xưa đã mất hút không bao giờ trở lại. Đời sống mỗi lúc một nghiệt ngã, eo sèo, hai bữa cơm hàng ngày nhiều khi đã thâu lại chỉ còn một bữa, và những sản: khoai ăn dọn liên tiếp mấy năm đã làm cho sức khỏe con người suy giảm đến mức tồi tệ. Xăng nhớt trở thành một thứ xa xỉ phẩm, và mọi chiếc xe gắn máy đều lần lượt xếp xó hoặc bán đi, để nhường chỗ cho những chiếc xe đạp làm phương tiện lưu thông căn bản của thành phố. Người ta khó có thể nghĩ đến chuyện đạp chơi trong thành phố đang đói sức vì thiếu ăn, lại càng ít khi nghĩ đến chuyện hai người chờ nhau trên một chiếc xe đạp cũ, lãng thang trong một đêm Giáng Sinh để “sống lại” một mùa Giáng Sinh thơ mộng nào đó. Và chẳng, có muốn gắng sức để sống lại cũng chẳng được. Những khóa lễ đêm đều đã bị hủy bỏ, nghiêm cấm; tiếng đọc kinh và tiếng nhạc giáo đường ngân nga — những âm thanh đã tạo nên linh hồn của đêm Giáng Sinh Sài Gòn xưa — đều không còn tìm thấy nữa. Thừa đó, đêm khuya đã trở về trên những con đường vắng sau khi tan lễ, có những người đi

bước nhau đi theo bóng cây đổ dài trong ánh đèn vàng vọt — đường Chu Mạnh Trinh, đường Đất, từ phía Cường Để ngược lên phía Lê Thánh Tôn, hay xuôi về phía Bến Bạch Đằng ; đường Duy Tân từ phía Nhà Thờ Đức Bà đi về, rẽ sang Phan Đình Phùng ; đường Trần Quý Cáp xuôi thẳng tới ngã ba Trương Minh Giảng rồi rẽ ngang để bọc ra đường Tú Xương, v.v... — Bây giờ những hình ảnh thơ mộng ấy không còn nữa ; chẳng phải vì những con đường đã mang tên mới và đều trở thành những con đường cấm, mà là người ta đã khéo dẫn nhau tránh đi lang thang trong đêm khuya, dù là đêm không giới nghiêm. Đêm khuya Sài Gòn thường là giờ của những cuộc bắt bớ âm thầm, những vụ ruồng xét không báo trước. Đó là giờ của những xe gắn máy chở Công An mặc thường phục, trà trộn từ lúc nào trong đám đông, chia nhau lặng lẽ theo dõi mọi hành vi và ngôn ngữ “phản động” hoặc “khả nghi”, rồi sau đó đi theo kẻ tình nghi về tới một góc đường vắng ... Điều nguy hiểm là có rất nhiều trường hợp theo dõi lầm người, bắt lầm người đã xảy ra, và không có gì bảo đảm rằng nạn nhân của những sự lầm lẫn ấy sẽ được thả về sớm hơn đối tượng thực sự bị theo dõi. Người dân Sài Gòn thường nói nhỏ với nhau về sinh hoạt khó hiểu của những thanh niên tóc để dài và ăn mặc rất “hippy”, phóng xe gắn máy từ tiệm ăn này đến quán cà phê khác, vui chơi tung búng và trò chuyện cởi mở với tất cả mọi người. Nhiều nạn nhân dễ tin đã bị đem đi mất trong đêm khuya, sau những cuộc đối thoại thiếu cảnh giác như thế B.R., September 8, 2017



Người ta có thể hơi ngạc nhiên khi thấy rằng, mặc dù cả một bầu không khí sắt máu nặng trĩu đe dọa và hận thù phủ lên đời sống của Sài Gòn, vẫn có những người tuổi trẻ vui chơi nhộn nhịp trong những đêm Giáng Sinh, những đêm giao thừa, những hội chợ Tết ...; mặc dù một nền kinh tế đã đi từ suy sụp đến kiệt quệ trên khắp cả nước, vẫn có

những tiệm ăn, quán nhậu đông đúc thực khách mỗi ngày ... Cái bề mặt đầy mâu thuẫn khó hiểu ấy bắt người ta phải linh cảm thấy một bề sâu phức tạp, bí mật nào đó của đời sống Sài Gòn. Một bề sâu mà Hà Nội trong hơn 20 năm sống dưới chế độ Cộng Sản, từ 1954 đến 1975, đã không có được. Rất nhiều yếu tố khác nhau đã kết hợp lại để tạo thành lớp địa chất đặc biệt ấy : Sợi dây nối giữa những người “còn kẹt lại” với những người đã ra đi từ 1975 ; sự thối rữa mục nát trong những tầng lớp cán bộ Việt cộng sau ngày cưỡng chiếm miền Nam, đưa tới việc hình thành gần như cả một hệ thống tham nhũng quy mô từ cấp trung ương đến cấp địa phương ; sự xung tranh ngầm ngầm (nhưng đã đôi ba lần thể hiện qua những vụ thanh trừng kiếm thảo) giữa tập đoàn lãnh đạo ở Hà Nội với một số cán bộ cao cấp đã tạo được uy thế tại miền Nam (và không muốn ngoan ngoãn hy sinh uy thế cùng những quyền lợi đã bắt rễ ấy) Những yếu tố vừa nói trên, cộng với một vài yếu tố đặc thù khác, đã tạo nên một tình trạng tế nhị, ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân Sài Gòn, làm phát sinh một số cung cách sống có vẻ như kỳ lạ, nửa như âm thầm, nửa như ngạo nghễ

Nhưng dù sao đó cũng chỉ là *mặt nổi* của đời sống Sài Gòn, một Sài Gòn đã đổi khác rất nhiều, đã biến thái đến độ những “người tình cũ của Sài Gòn” nếu gặp lại sẽ khó mà nhận ra, sẽ đau xót với cái cảm tưởng là đã mất hẳn nhau rồi, và sẽ buông một tiếng thở dài : “Sài Gòn đã chết.” Quả thật, nếu chỉ nhìn sự mất mát qua ý nghĩa đổi thay trong mặt nổi của đời sống, thì Sài Gòn đã chết. Đã chết rồi, thành phố hoa lệ ngày xưa với ánh đèn rực sáng và xe cộ chập chùng. Đã chết rồi, nếp sinh hoạt hồn nhiên, rạng rỡ, với những tiếng cười vui và những cuộc tình thơ mộng. Sài Gòn trong vài chục năm trở lại đây cũng đã từng trải qua mấy lần bể dâu, nhưng chưa có cuộc bể dâu nào nổ bắt Sài

Gòn phải biến thái đến độ đau đớn như trận “thiên tai đỏ” 1975. Sài Gòn từ ngày bị nhuộm đỏ, là một Sài Gòn lần đầu tiên biết đến cái đói trong bao tử mỗi người dân, biết đến cái tối tăm của những đường phố không có điện, biết đến cái nhơ nhớp của những căn nhà không có nước để dùng suốt trong nhiều ngày Cũng là lần đầu tiên người dân Sài Gòn học được cách giữ gìn lời nói trước mặt một người láng giềng, trước một người bạn cũ lâu ngày không gặp lại, và trước cả những bà con ruột thịt mà chiến tranh đã làm chia lìa trong mấy chục năm Lần đầu tiên người dân Sài Gòn bắt gặp mình quay mặt đi để dấu vùi những giọt nước mắt, khi nhìn thấy người thân yêu xác xơ tiêu tụy trong bộ quần áo tù, hoặc khi chính mình vừa ký tên vào “biên bản kiểm kê” để nộp tài sản cho Nhà Nước ... Người dân Sài Gòn có thể đã từng ném qua bao nhiêu khổ ải trong đời, chịu đựng bao nhiêu tử biệt sinh ly, nhưng chắc chắn chưa từng bao giờ bị “cấm khóc” trước nỗi đau đớn của mình. Những giọt nước mắt của Sài Gòn bị chặn đứng lại, nuốt ngược vào trong cổ họng, chỉ bởi vì không thể để rơi trước những cặp mắt soi mói theo dõi của bọn quản giáo, của bọn Công An đang chăm chú chờ đợi. Giọt nước mắt rơi xuống, trong rất nhiều trường hợp, đã được coi như bằng chứng đầy đủ để kết thành tội danh phản động.

Nhưng có phải sự sợ hãi một tội danh phản động đã khiến cho những giọt nước mắt bị chặn đứng lại không ? Tưởng như thế, là vội vã và sai lầm quá đấy : Chẳng ai còn nghĩ đến chuyện cầm giữ nước mắt lại khi nhận được tin người chồng thương yêu đã qua đời trong trại học tập, khi nhận được tin những đứa con vượt biển trốn đi sẽ không bao giờ nhìn thấy tự do, vì thuyền đã bị bắn chìm trước khi ra tới cửa biển, và chỉ có một vài người còn ngắc ngoải sống sót ... Làm gì có những giọt nước mắt nào bị cầm giữ trên những vỉa hè Sài Gòn, những mái hiên nhà đường Minh Mạng, Trần Hoàng Quân v.v..., nơi mà những người từ vùng Kinh Tế Mới trốn trở về, nằm la liệt ngủ mỗi đêm,

bởi vì nhà cửa của họ đã bị tịch biên ngay từ lúc họ bị lừa lên xe chở ra khỏi thành phố ... Không, trước những nỗi tuyệt vọng đến cùng cực như thế, trước những mất mát không còn vớt vát đền bù gì được nữa, người ta để cho nước mắt tự do rơi, khỏi cần dấu diếm, khỏi cần cầm giữ. Nước mắt chỉ được cầm giữ lại khi người ta *chưa* cảm thấy cuộc đời bị đóng bít lại trước một ngõ cụt, khi người ta còn cảm thấy tia hy vọng nhỏ nhoi nào đó le lói ở cuối đường hầm, hy vọng về một lối thoát cho chính mình hoặc cho những người thân yêu, sẽ ra khỏi hỏa ngục đỏ, sẽ đòi lại những oán cừu chất chứa, sẽ lấy lại Sài Gòn từ tay ác quỷ. Những giọt nước mắt, vì thế, không phải bị cầm giữ bởi sự sợ hãi, mà là bởi nỗi căm thù trộn lẫn với niềm hy vọng cuối cùng. Người ta khó có thể sống sót qua những năm tháng ghê rợn đó, với bao nhiêu oan khổ và tủi hờn chất chứa, nếu không cảm thấy mình còn được nuôi sống bằng nỗi căm thù về niềm hy vọng, giống như một chất men ủ kín trong lòng. Chất men đó tạo nên *bề sâu* của đời sống Sài Gòn, đời sống mà những người dân âm thầm chia sẻ với nhau, nuôi nấng cho nhau, như nuôi một hạt mầm yêu thương vùi kín giữa lòng đất mẹ, dưới những lớp lá cây mục và đá sỏi khô cằn. Chỉ có những người dân trong ý nghĩa đích thực mới biết sống và được sống cái đời sống sâu thẳm, quý giá ấy ; những người dân trần trụi, còm cõi, oằn lưng chịu đựng sức nặng của bạo lực và tội ác, nhưng không bao giờ đồng lõa với bạo lực và tha thứ cho tội ác. Đời sống của Sài Gòn không phải đã bị xóa phăng đi để được đắp bù lại bằng những cửa hàng quốc doanh lạnh lẽo như những nhà mồ, bằng những “Công ty ăn uống”, “Công ty du lịch” hối hả phơi bày sự tấp nập rộn ràng do nguồn tiền bạc ăn cướp của dân chúng và luân chuyển qua tay một tập đoàn thống trị đang học đời ăn chơi phè phỡn. Đời sống của Sài Gòn âm thầm trải dài trên những đường phố xơ xác của ban ngày, và tối tăm của ban đêm, đời sống của Sài Gòn ẩn khuất trong những khu chợ trời, chợ sách,

những hàng quán bên đường, những chiếc bàn cà phê nhỏ bé trên hè phố, những bến xe đông đúc khách ngược xuôi. Trong tất cả những khung cảnh sống đó, người dân lặng lẽ chia xẻ với nhau biết bao nhiêu thân tình, biết bao nhiêu cảm thông, biết bao nhiêu đùm bọc che chở. Guồng máy bạo lực cứ việc tinh vi, cứ việc tìm mọi cách len lỏi vào từng khe hở của sinh hoạt nhân dân, để chăm chú đánh hơi theo dõi, để “gài” những tên điểm chỉ viên có ăn lương hoặc không ăn lương, những “ăng ten” tự nguyện làm nhiệm vụ chó săn. Sự tinh vi vô luân và thô bỉ đó không bao giờ giết chết được đời sống sâu thẳm của Sài Gòn, bởi lẽ sự hung ác của bạo lực và sự căm dỗ của vật chất — ngược lại với điều người Cộng Sản tin tưởng — đã không chiến thắng nổi lòng căm thù của người dân đối với chế độ độc tài đó, lại càng không phá hủy được tình người. Những ánh mắt nhìn nhau “báo động”, những câu nói nhỏ bên tai, giữa những người chưa từng quen biết nhau bao giờ, có giá trị như những cái tát vào mặt bạo quyền thống trị, xác định một biên giới thiện ác vô cùng rõ rệt. Trong không khí hung hiểm của thành phố ngục tù, mạng sống nhiều khi được quyết định chỉ bằng một lời nói đơn sơ. Công an Việt Cộng không bao giờ ước đoán được rằng người dân Sài Gòn có thừa thiện tâm và can đảm để dừng xe đạp ở góc đường Ký Con và Bùi Quang Chiêu, ra hiệu chặn những người định rẽ vào hướng ấy : “Đang vây chợ sách đó, đừng vô kéo nó bắt !” Công an Việt Cộng cũng không có cách nào ngăn cấm nổi những người đàn bà tay xách nách mang, quần áo lếch thếch, chạy thục mạng băng qua khu chợ trời, thân mình đang bị rượt đuổi mà vẫn không quên la gọi báo động cho các bạn hàng còn ngơ ngác ở phía đằng xa chưa hiểu chuyện gì : “Nó bắt thuốc tây đó ! Chạy thuốc tây đi !”

“Nó bắt” : không có lời nói nào trên đời này vang dội đến tai con người một cách kinh hoàng hơn hai chữ đó. Có sống trong xã hội Cộng Sản, người ta mới hiểu được cái ý nghĩa địa ngục của chuyện bị bắt, và do vậy mới thấm thía

thấy được sự quý giá của một lời báo động. Người ta sẽ nhớ đến suốt đời cái cảm giác bàng hoàng tê dại của mình khi đang ngồi nhâm nhi tách cà phê trong quán, bỗng thấy một người lạ — hoàn toàn xa lạ — đi ngang qua bàn, dừng lại một giây và nói nhỏ, vừa đủ nghe, một câu nói tưởng như rất băng quơ : “Ra ngoài lẹ đi, nó đang bắt tùm lum ở quán X. bên kia đường kia !”

Nhìn quanh, không khí trong quán đang rất bình thường chợt như cô đặc lại. Người lạ đã ra tới cửa quán sau khi ghé phớt ngang một cái bàn khác, chắc cũng để buông rất nhanh lời báo động tương tự. Những chiếc ghế được xô ra đằng sau theo một phản ứng dây chuyền. Chỉ vài phút sau là quán vắng tanh, người ta đã lần lượt thoát hết ra ngoài như những làn khói. Bên kia đường đã có tiếng ồn ào, tiếng quát tháo. Không ai dám nhìn thẳng về phía đó. Tiếng máy xe nổ. Mọi tiếng động bất thường ấy như lui lại theo bước chân đi nhanh hơn, mỗi người đều cố gắng giữ vẻ tự nhiên nhưng rõ ràng là đều muốn biến ngay khỏi khu phố trong khi tai họa còn đang rình rập và có thể úp chụp lấy mình bất cứ lúc nào. Khoảng cách đã xa hơn nhưng chưa thể coi là an toàn. Dù sao, giữa trạng thái hồi hộp căng thẳng đến độ làm cổ họng khô cứng, người ta khó ngăn được mình quay đầu nhìn lại phía quán cà phê. Hình ảnh đập ngay vào mắt là những tên công an áo vàng đứng áp hai bên một đám người lố nhố, với những cánh tay thông xuống, những bàn tay khóa vào với nhau bằng những chiếc còng sắt hình số 8. Hình ảnh kinh hoàng và thảm thương ấy thật ra không phải là bất ngờ, xa lạ đối với người dân Sài Gòn. Những người đang bị bắt kia, họ đã phạm tội gì ? Không, họ chỉ là những người không may vào quán uống cà phê nhằm đúng một buổi tối “chiến dịch” ; không may hơn nữa vì đã chẳng nghe được một lời báo động kịp thời. Có vậy thôi, nhưng đêm nay, đêm mai, họ sẽ không được trở về nhà, và nếu tiếp tục không may thì họ sẽ không được trở về nhà trong nhiều tháng, trong một vài

năm, dăm bảy năm ... hoặc sẽ không bao giờ trở về nữa.

Hình ảnh những chiếc còng sắt trên tay người, ý nghĩ về cái biên giới mong manh giữa rủi và may trong đời sống đầy bất trắc của Sài Gòn, sự liên tưởng đến những cuộc đời tàn tạ trong lao tù, đến những thân yêu chia lìa, những gia đình tan nát ..., tất cả tạo thành từng đợt sóng cảm xúc ủa đến khiến người ta thấy đau nhói trong lồng ngực và những giọt nước mắt như chỉ chực trào ra. Sài Gòn. Ôi, Sài Gòn, thành phố thương yêu và đầy ắp kỷ niệm, thành phố của cả một quãng đời tươi đẹp ấy, bỗng chốc hiện rõ ra với một bộ mặt hoàn toàn khác, bộ mặt khô cứng, nhợt nhạt, vô tri vô giác của tù đầy và chết chóc. Vùng trời hoa bướm cũ bây giờ là một vùng trời không còn sinh khí nữa. Những đường phố thơ mộng cũ bây giờ là những đường phố ngột ngạt, lạnh lẽo, giăng mắc đầy cạm bẫy, chất chứa đầy đe dọa. Sài Gòn không còn phải là đất sống cho những người yêu của Sài Gòn nữa.

Và người ta thấy rõ sự đau đớn lan đi khắp tâm hồn đến độ có thể chết được, khi nghĩ đến lúc phải dứt lìa khỏi Sài Gòn, dứt lìa khỏi quê hương, để tìm lấy sự sống, để nuôi lại những hy vọng, — những hy vọng đang héo mòn dần, đang tắt lụi dần theo những tháng ngày đầy họa. Có ai nỡ lòng nào mong ước như mong ước một hạnh phúc nào đó hay không, cái giờ phút mình thoát được ra khỏi đất nước của chính mình, để lưu lạc nơi xứ lạ quê người ?

Những người yêu của Sài Gòn chắc chắn sẽ nuôi mãi, nuôi mãi những cảm xúc đau đớn khi đi trên những đường phố thân quen, nhìn từng đoạn vỉa hè, nhìn từng tàng cây, nhìn từng căn nhà, từng quán nước, tiệm ăn, nhìn từng chiếc cột đèn cao, nhìn từng cây cầu cũ kỹ ..., nhìn như để âm thầm ghi khắc vào trí nhớ, vì biết đâu sẽ có một ngày lìa xa và không bao giờ còn được nhìn thấy lại nữa.

Biết đâu sẽ có một ngày ... Ý nghĩ ấy quay quắt trong

lòng người, day dứt trong đầu óc, nửa như một niềm tin tưởng tuyệt vọng, nửa như một nỗi tiếc thương sâu thẳm, đeo đuổi bước chân đi trong bao nhiêu ngày tháng. Ý nghĩ dẫu kín, cảm xúc dẫu kín, cũng như người ta tiếp tục dẫu kín, cầm giữ lại những giọt nước mắt trước hàng trăm nghịch cảnh xé lòng. Cầm giữ ngay cả đến những giờ phút chênh vênh khi bước ra đi, dấn mình vào cuộc thử thách với số mệnh. Những bến xe Sài Gòn đã nhìn thấy biết bao nhiêu đôi mắt đỏ hoe nhưng nhất định không để rơi một giọt nước mắt. Người ta tiễn nhau đi, bình tĩnh, lạnh lùng, làm như tiễn nhau về thăm bà con dưới miền Tây hay ngoài miền Trung trong ít bữa. Chỉ có riêng những tấm lòng đang chia ly ấy mới hiểu thắm thía cùng nhau rằng những năm tháng muôn trùng đang đợi chờ trước mặt.

Cũng có thể người ta bình tĩnh bởi vì chẳng phải lần đầu tiễn nhau đi (mấy ai có được cái may mắn tiễn nhau đi chỉ một lần ?) Họa chăng Trời mới biết trước chuyến đi sẽ thành công hay thất bại. Biết đâu chừng chia ly hôm nay, rồi dăm ba hôm lại thấy trở về, — không phải trở về nhà mà là trở về một trại tù nào đó, đôi ba tháng hay vài năm, rồi may ra mới lại nhìn thấy Sài Gòn. Cuộc ra đi có thể tái diễn nhiều lần, và mỗi lần như vậy nổi bấp bênh và sự hiểm nghèo lại làm cho người ta thêm chai đá hơn, lạnh lùng hơn, ít xúc động hơn.

Nhưng rồi cũng có một chuyến đi nào đó đưa người ta đi *thật*. Để mà qua những giờ phút căng thẳng thần kinh, qua những hải lộ hiểm nghèo, khi biết rằng mình đã thoát thân rồi, mới bàng hoàng nhìn lại và không còn thấy Sài Gòn đâu nữa. Khi đó những cảm xúc sẽ ùa về, những hình ảnh sẽ dồn dập hiện ra trong trí tưởng. Căn nhà thân yêu. Con đường kỷ niệm. Và đôi mắt nào đó nhất định cầm giữ những giọt nước mắt ...

Xa Sài Gòn, người ta thường hay nhớ thương một vùng nắng ấm. Cái nắng Sài Gòn không có gì đặc biệt, có lẽ

cũng không có gì quyến rũ lắm thì phải. Nhưng ở đó, trong màu nắng ấy, đã có những tháng ngày yên vui, đã có những tháng ngày đọa đầy, đã có những tiếng cười hồn nhiên, đã có những giọt nước mắt bị cầm giữ. Tất cả đã góp lại, tạo thành đời sống của Sài Gòn, đời sống của chính ta, với linh hồn và máu thịt. Sài Gòn không phải chỉ thân yêu với chúng ta bằng những kỷ niệm đẹp ngày xưa. Sài Gòn còn gửi chúng ta đem theo cả những giọt nước mắt bị cầm giữ nữa. Những giọt nước mắt ấy làm cho nắng Sài Gòn không còn ấm như trong trí tưởng chúng ta. Nắng Sài Gòn làm sao ấm mãi được trong một không khí mà ngay đến những giọt nước mắt cũng còn không được quyền rơi xuống ?

Xa Sài Gòn, chúng ta đôi lúc bắt gặp mình dễ xúc động, dễ khóc. Những giọt nước mắt trên xứ người cứ việc tha hồ rơi, tự do rơi.

Nhưng để làm gì ? Có làm ấm lại được một chút nắng của Sài Gòn hay không ?

• *Nguyễn Nam Chi*

6-1985